

80
INDO-CHINOIS
1933

PHẬT HỌC TÙNG THƯ

階初學佛

SACH HOC PHAT
BAC ĐAU



Phật học thư viện tại chùa Mai-xá tỉnh Hà-nam tái bản
Sư cụ chùa Hậu-phúc chứng minh

Các nhân viên trong thư viện

Sư ông Đỗ-chân-Bảo

— Vũ-dinh-ưng

— Đoàn-duy-thành

Cư Sĩ Trần-văn-Giác

— Lê-Toại

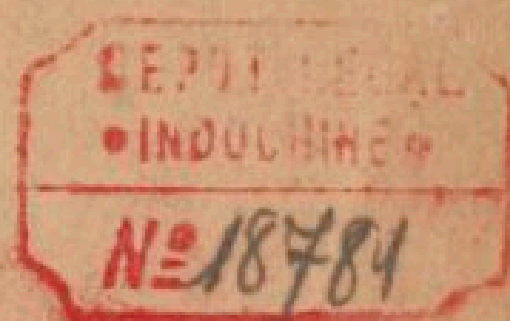
1933

Handwritten text in a script, possibly Indic, arranged in several lines. The text is faint and appears to be a list or a series of entries. There are some decorative elements at the bottom of the page, including a horizontal line with small motifs and some stylized floral or geometric patterns.

PHẬT HỌC SƠ GIAI

佛學初階

SÁCH HỌC ĐẠO PHẬT BẬC ĐẦU



LỜI PHÁT ĐOAN

Phàm sinh ra làm người mà muốn nên người có đạo đức thì phải học, phải suy, điều phải nên theo, điều trái nên bỏ. Điều phải là những điều gì? Là các điều có ích lợi cho thân mình, ích lợi cho người và cho vật nữa; tức là điều thiện. Điều trái là những điều gì? Là những điều làm tai hại cho thân mình, tai hại cho người và cho vật nữa, tức là điều ác.

Ai ai cũng biết rằng: trong người ta có hai phần hợp lại thành người: là phần xác và phần hồn.

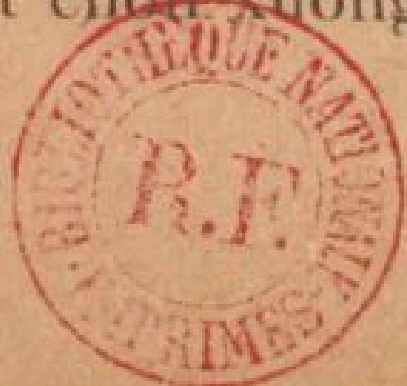
Nếu người ta mà làm điều ác, thì phi phần xác phải chịu tội lỗi, thì phần hồn tất cũng phải chịu tội lỗi. Phật về phần xác, thì đã có hình luật của Chính-phủ, của quốc-gia, của xã-hội, nhưng hình-luật ở dương-dan chỉ xét được những tội hiển-ác, còn những tội ẩn-ác thì phần hồn tất phải chịu.

Phật về phần hồn, thì từ xưa đến nay, nhiều các vị triết-nhân quân-tử như đức Thích-già-mâu-ni, đức Gia-tô-cơ-đốc (Jésus-christ) lấy sự thăng thiên-đường, qui tĩnh-độ mà tưởng thưởng những linh-hồn làm thiện, lấy sự hạ địa-ngục, nhập quỉ-môn để hình phạt những linh-hồn làm ác.

Lại có vị dạy người ta lấy cái lương-tâm của mình làm chủ, hễ mình làm thiện thì tâm mình vui vẻ, ấy là thưởng; hễ mình làm ác, thì tâm mình băn khoăn, ấy là phạt.

Nay chúng tôi là người theo đạo phật, vậy cứ theo như lý-tưởng đạo phật mà suy xét ra, thì phàm các chúng-sinh trong thế-giới này (là cả người và các loài động-vật) đều có hai phần hợp lại là phần xác và phần hồn. Vậy các sinh-vật ấy xác chết mà hồn còn, xác chết chôn xuống đất cùng với loài thảo mộc

80 Indoch.
1933



cùng nát, hồn còn thì phải xuống âm-phủ để vua Diêm-vương xét phúc, tội mà thưởng, phạt, theo như cái phép luân hồi sinh tử là cái luật lập ra cho các chúng-sinh. Thí-dụ như người nào làm thiện, thì lại cho linh-hồn được thác sinh làm các bậc danh-nhân, như ông Phòng-thứ-Luật, Tô-tử-Chiêm, vân vân. (có chép rõ cả ở trong sách này).

Người nào làm ác thì bắt linh-hồn vào cửa quỷ-môn, mà phải giam ở dưới địa-ngục, rồi tùy tội nặng thì hình nặng, tội nhẹ thì hình nhẹ, cũng có người mãi tội lại phải thác sinh làm các giống vật, như Thời-hiền-Chi, Vưu-môn-tử, vân vân... (có chép rõ cả ở trong sách này).

Người nào tu hành diệt dục, làm phúc, làm duyên, cứu nhân, độ thế, thì được lên tỉnh-độ cực-lạc thế-giới.

Sách chúng tôi dịch ra sau này, là của ông Đinh-phúc-Bảo nghiên cứu về đạo Phật mà làm thành ra, lấy những truyện người ta đã trông thấy, đã nghe tiếng, làm chứng có sắc thực mà thí-dụ, trước nói về quỷ thần, minh phủ, Diêm-vương, địa-ngục, luân hồi, sinh tử, thiện ác, quả-báo, tam-bảo, tam-qui, ngũ giới, thập thiện, lục độ vân vân... Sau nói đến truyện tu tỉnh-độ, để dạy người ta biết cái phép tu hành diệt dục, niệm Phật, tụng kinh, để mong lên cõi Phật.

Đại phạm cái tư-tưởng của người ta, thời mỗi người một ý, vậy ai tin lẽ nào thì theo lẽ ấy, bất tất phải tranh luận hư thực, có, không, mà dẫu có tranh luận cùng nhau chẳng nữa, thì cũng chưa có ai là người ở thế-giới này mà phân giải ra cho sắc thực được.

Nay chúng tôi là người tin đạo Phật, thấy sách đạo Phật nói làm sao, xin cứ dịch ra làm vậy, diễn thành quốc-âm, để tiện mọi người cùng đọc, còn mong các bậc hiền-triết cao-minh xem thấy có chỗ nào sai lầm, xin cho chúng tôi được biết, để phủ chính lại, thì chúng tôi cảm ơn lắm.

Tương-Mai, ngày 15 tháng 7 năm Bảo-Đại thứ 6
(Tức là ngày 28 tháng 8 năm 1931)

LÊ-TOẠI. NGUYỄN-VĂN-DUYỆN

Đồng kính tự

PHẬT HỌC SƠ GIAI

佛學初階

BẬC ĐẦU HỌC ĐẠO PHẬT

BÀI TỰA

Người ta đi đường không gì dễ bằng xuống chỗ thấp, không gì khó bằng lên chỗ cao. Cao hẳn không lên được ư? Lên được. Một bước có lên được không? Không được. Muốn một bước mà lên được thì cả đời cũng chẳng lên được. Kia cái đài chín tầng, cái lầu trăm thước, cái núi cao nghìn chùng, muôn chùng, lên đến đỉnh rồi cúi xem muôn cảnh, từ dưới trông lên như là thần tiên. Đó không phải là có cánh mà bay lên đâu? không phải là cưỡi mây, đề khí, mở chỗ hư không mà đi đâu? cũng là từ dưới mà lên đó. Nghĩa là người ta tìm được bậc đầu đấy thôi. Học đạo Phật cũng thế. Kia xem các kinh Hoa-nghiêm, Phương-đẳng, Bát-nhã, Pháp-hoa, Nát-bàn, cùng là các lời bàn Đại-thừa tôn-kinh, Đại-thừa thích-kinh, nghĩa cao vừa như là lâu-đài, nghĩa cao lắm như là núi non, nếu học mà không tìm được bậc đầu, thì dầu muốn lên, cũng không thể sao lên được. Hoặc cố trèo vịn mà lên, thì lúc mới lên rất hăng hái, không mấy bước rồi thở hồng hộc ra, mấy bước nữa rồi mệt đừ ra, lại mấy bước nữa rồi tinh thần mỗi mệt, sức vóc kiệt hết, rồi chịu bỏ đó mà giở xuống. Ấy là bởi không tìm được bậc đầu, cho nên không hay lần từng bậc mà lên được. Ta biết rõ sách nhà Phật là khó học và khó tin, vậy ta theo từ bậc thứ nhất đọc kinh nhà Phật ra tay mà làm sách này, người học nên từ bậc đầu rồi dần dần đến bậc thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, rồi lên đến cực-đỉnh, chứ không phải là khuyên người học chỉ biết một lối đường ngang ngõ tắt mà thôi đâu. Sách này làm song, nhân đặt tên là Phật-Học Sơ-Giai.

第一級

ĐỀ NHẤT CẤP

宜知確寔有鬼

Nghĩ chi xác thực hữu quỷ

BẬC THỨ NHẤT

NÊN BIẾT ĐÍCH THỰC CÓ QUỶ THẦN

Tháng ba năm thứ chín Trung-hoa Nhân-dân kiến-quốc. Có một người khách qua chơi vào nơi sá-quán ông Đinh-Tử (là ông Đinh-phúc-Bảo làm ra sách này), ở chơi mấy hôm, lúc sắp đi, nói với ông Đinh-Tử rằng: Tôi có một sự ngờ, mà chưa dám nói rõ. Đinh-Tử đáp: Thế nào? Ông cứ nói. Người khách nói: Ngày xưa Hán - vương là Trọng - Nhâm có câu nói rằng: « Người ta sống được là nhờ có tinh-khí, chết thì tinh-khí mất; làm ra tinh khí là nhờ mạch máu, người ta chết thì mạch máu hết mà tinh-khí mất, hình thể nát, rồi thành ra gio, ra đất; lấy lẽ gì mà thành ma? » (câu này bàn ở sách Luận-hành luận-tử-thiên, tức là câu nói không có quỷ thần). Ta đã không tin có quỷ thần, thì nhà phật bảo rằng quả-báo, tam-thế, luân - hồi, sinh - thiên, địa - ngục, đều là một mối bỏ đi hết, không có một câu nào tôi còn tin được. Tôi đã không tin những lời nhà phật bảo rằng quả - báo, tam-thế, luân-hồi, sinh-thiên, nhập địa-ngục, thì nhất thiết các kinh nhà phật, cũng đều là một mối bỏ đi hết. Thế thì cái sự tụng kinh niệm phật đều là mê tin cả. Thế nào xin ông nói rõ cho tôi biết.

Đinh-tử đáp: câu hỏi ấy to lắm, không có thể một vài câu trả lời mà xong được, phải đến hàng nghìn muôn câu, mới hay kể rõ được. Nay tôi hãy trước đáp lại cái câu hỏi không có quỷ thần.

Kìa xem kinh Lễ có câu rằng: « 人死曰鬼 nhân tử viết quỷ ». Nghĩa là: người ta chết thì ra ma. Đức thánh Khổng-tử nói rằng: « 祭則鬼享之 tế tắc quỷ hưởng chi ». Nghĩa là: có cúng tế thì quỷ thần hưởng. Ông Trình-Tử nói rằng: « 世間有鬼神憑依以語者. 蓋屢見之 thế-gian

hữu quỷ thần bằng y giả ngữ giả, cái lữ kiến chi ».Nghĩa là : Thế gian có quỷ thần nương tựa vào người để mà lên miệng nói, cũng thường thường trông thấy. Xem thế thì Thánh Hiền đời xưa cũng đều bảo là có quỷ thần.

Người khách nói: nhà nho dẫu cũng nói có quỷ thần, nhưng đều là bàn hảo, chữa đủ giải được cái điều ngờ của tôi. Nếu mà có quỷ thần thực, thì gần đời bây giờ tất có sự thực, xin ông thử nói cho tôi biết.

Định-tử đáp: gần đời bây giờ có truyền quỷ thần sự thực rất nhiều, tôi kể mấy truyện như sau này để ông nghe.

TRUYỆN QUỶ THẦN BIẾT NÓI (Trương-thủ-Gi thuật).

1.— Thái-xuân-Phương là người học trò giỏi ở đất Giur-Riêu, tôi mới quen biết từ ngày xem hội Vạn-quốc-tái-trân. Đến năm thứ 3 Dân-quốc, Thái cùng với tôi cùng trọ một nhà ở phía bắc sông Hô. Người vợ cả Thái đẻ được một đứa con gái đặt tên là Át-mao, lên 4 tuổi, tôi thường yêu đương ôm ấp. Đến năm thứ 5, Át-mao phải bệnh đau cuống họng, thuốc chữa không khỏi, rồi chết. Đến năm thứ 7, Thái lấy vợ lẽ là người họ Cao, để ở riêng một nhà khác. Mới được vài tháng, có một hôm, chợt thấy hồn con Át-mao nhập vào người vợ lẽ (là người họ Cao), nói rầm rĩ lên, Thái cùng người vợ cả đến hỏi nó, thì nó nói, nhận chẳng sai câu nào, nói đến tình trạng lúc nó chết thì hồn nó lại dương mắt trách cha nó là người bạc, vì rằng áo quan ngắn nằm không đủ. đầu để lệch mà chân lại cong. Ước độ hai giờ rồi hồn nó mới đi, (truyện đó là nàng Cao không biết Át-mao và lúc Át-mao chết thế nào) Đầy một năm, nàng Cao đẻ được một đứa con gái, mới được vài tháng đã mắc bệnh dữ dội quá. Hồn con Át-mao lại nhập vào đứa con gái ấy, gọi Thái nói luôn luôn không thôi. lại bảo rằng bệnh em tôi nặng quá. tôi muốn cứu gỡ cho nó nhưng mà không được. Được hơn mười ngày đứa con gái ấy quả nhiên chết thật. Kia xem đứa con gái mới sinh được sáu, bảy tháng, chữa hay gọi mẹ, đã biết nói đâu, sao mà tiếng nói luôn luôn, không sai

một câu nào cả ; thực là lạ quá, (vì hồn con Át-mao nhập vào). Việc đó thực tôi trông thấy. chắc là có ma thật.

2. — Ngoài cửa nam Hoàng-châu có chùa An-quốc, xưa có đền thờ ông Trương-thư-Dương. Đến năm Chính-đức quan Thái-thú là ông Lư-Tuấn phá bỏ cả đền thờ, bỏ bêu tượng ông Trương-công ra ngoài nắng. Một hôm có người linh hầu quan Thái-thú ấy, dốt không biết chữ gì, mà thần ông Trương-công nhập vào tên linh ấy rồi mắng quan Thái thú rằng : mày bảo ta là người nào mà mày dám khinh nhờn ta, mới sai lấy giấy, bút, mực mà viết ra một bài như sau này :

Giời sinh ra ta, là đứng nam-nhi, đem tài hùng bi, dúp vua trị nước, sức cất núi được, gió sấm vang giời, khí suốt mặt giời hồng nghê hiển hiện, dưới giảng tập luyện, tuốt giáo mài gươm, đương lúc đêm sương, phát cò giống chổng, vào nơi giặc đóng, đánh phá giặc tan, giết giặc lấy gan, làm lương binh mã, sa nhà sa cửa, sót lòng vợ con, chỉ núi thề non, quyết liều tử chiến, mình đeo áo chiến, tay vác dùi đồng, đánh trận có công, Đường-chiều danh-tướng ; nay người chớ tưởng, ta là Trương-Nghi, cũng chẳng Trương-phi, Trương-Tuần là mỗ, nay xuống Nhạc-phủ, làm việc âm-ty, Phong-đô ngục-suy, Bồng-lai điện-trực, nhân gian phong tước, Cảnh-hựu-trân-quân, giời sai giảng trần, chức quan Trung liệt. Vậy nay ta viết một bài người coi, cho cả người đời ai ai đều biết.

Quan Thái-thú xem thấy thế, sợ hãi và xấu hổ, lấy làm linh dị lắm, bèn làm lễ tạ, rồi sai rước thần-vị để thờ như cũ.

3. — Niên hiệu Khanghi năm Quý-dậu, ở Tô-châu có một nhà chỉ đẻ được một đứa con gái, cha mẹ yêu mến quá. đến 20 tuổi, mắc bệnh ho mà chết. Lúc sắp khâm liệm, bỗng thấy đứa con gái ấy vùng vằng mà đứng dậy, không có một chút nào ốm đau nữa. Khi bấy giờ cha mẹ vừa mừng vừa sợ, ôm lấy đứa con gái mà hỏi han mọi lẽ. Đứa con gái nói : Đây là chốn nào, không phải nhà tôi. Cha mẹ lấy làm thần hồn chữa định, đem sâm

thuốc cho uống. Đứa con ấy không chịu uống mà lại hỏi rằng : Vợ chồng bác là người nào? Cha mẹ đáp rằng: mày là con ta nay đã chết mà lại sống,thực là giới cho một cái phúc to.Đứa con giai nói : tôi là người làm ruộng ở làng Duy-đình, bị chứng thương hàn mà chết, nhưng dưới Minh-phủ xem tôi chưa tận số, lại cho tôi về dương-gian. không ngờ cái thầy tôi vợ tôi đã đem chôn đi rồi vì thế cái hồn tôi không nương tựa vào đâu được, nay tôi chợt đi qua đến đây, thấy ngoài cửa có cái bảng trắng, nhân vào xem,bỗng lại thấy mặt giới,tôi muốn đi ngay chứ tôi có phải là con bác đâu. Cha mẹ lấy làm con nói nhảm không tin, Đứa con giai ấy cố sức xin đi,mà nếu không cho đi, thì lại chết. Bấy giờ cha mẹ bất đắc dĩ, mua một cái thuyền trở đến làng Duy-đình, vào đến nhà. thì vợ người làm ruộng ấy đã đi lấy chồng rồi. hỏi đến đồ làm ruộng cũng đã mất cả rồi, lại đến những nhà anh em họ hàng kể truyện những công việc lúc sống và nói đến công nợ cùng là những người đi lại rõ ràng hết cả như lúc còn sống vậy. Ai nấy đều nghe tiếng nói thì phải. mà trông người thì không phải,nhưng những cha mẹ kia vẫn bảo là con mình,lại bắt đem về, đưa con giai ấy chỉ muốn chốn đi cha mẹ mới cho ở riêng một cái nhà, rồi khóa cửa chặt lại, không được hai tháng nữa, thì đứa con giai ấy uất lên mà chết. (Thật-dị-ký-trung)

4. — Niên-hiệu Khang-hy, năm Mậu-dần, về mùa hè,làng Tùng-giang phát bệnh dịch dữ quá, có một người đàn bà là vợ người làng Đông-hương, phải bệnh chết hơn một ngày lại sống. Lúc sống lại có nói rằng: vì cớ sao mà tôi lại đến đây ? tôi chính là con gái người làng Gia-hưng, lên 17 tuổi, vẫn chưa đi lấy chồng, chợt mắc phải bệnh sốt mê mẩn bâng hoàng, rồi chết đi như là một giấc chiêm bao vậy, nay mới sống lại không biết tại làm sao mà lại đưa tôi đến đây, chứ đây thực không phải là nhà tôi. Rồi cứ kêu khóc xin về. (nghe tiếng nói thì thực là tiếng người làng Gia-hưng).Bấy giờ cả nhà ai ai cũng sợ đều lấy làm lạ. Người chồng nó vội vàng đi đến làng Gia-hưng giò xem sao thì làng ấy quả nhiên có một đứa con gái nhà mỗ

mới phải bệnh chết thật: nhà ấy còn có một người cha và một người anh người chồng ấy (ở làng Đông-hương) mới nói hết cả duyên cớ cho nghe. Vậy người anh nó (ở làng Gia-hưng) lập tức lại đi theo đến làng Đông-hương xem sao. Đưa con gái ấy trông thấy anh vừa thương vừa mừng, lại kể cả tên tuổi cha mẹ cùng là những đồ trang sức và quần áo ở trong hòm đều đúng cả. Rồi nói với anh xin về nhà; Nhưng người anh không nghe hết thấy cả mọi người ai cũng đều bảo rằng phải ở lại đây để vẫn làm vợ chồng với người làng Đông-hương như trước vậy (Thuật dị ký hạ).

5. — Vương-thành-Ngự là người làng Gia-thiện. thi Đỗ Hiếu-liêm năm Giáp-tý, đi làm quan, rồi chết tại Kinh. Có người em là Cầm-Văn cũng thi đỗ Hiền-thư năm Mậu-ngọ, nhưng đi thi đình thường hỏng. Đến năm Giáp-tuất, có người cùng làng là Tiền-tâm-Bội đi thi đình hỏng giở về, cái linh-hồn của Thành-Ngự tự kinh theo về, khi về đến nhà Cầm-văn, linh-hồn Thành-ngự nhập vào con Cầm-văn, rồi nói to lên một câu rằng : Ta đi đã lâu ngày, nay ta mới về, sao lại khinh ta thế ! Cầm-văn run sợ hỏi rằng : mày là ma quỷ nào ? Người con Cầm-văn đáp : Ta là Thành-Ngự đây, em ở nhà ngày thường không chịu trăm học trĩu trăm việc khác, vậy nên thi đình không đỗ, nay tuổi em đã gần già rồi, nên không gắng sức ư ! Nay ta tự kinh về đây, đói quá mau mau làm cơm, vả lại có chú vợ ta là Tồn-hàm-Thạc cũng theo về chơi đây, làm cơm nên tử tế, không nên khinh rẻ (Hàm-Thạc cũng làm quan rồi chết ở kinh). Rồi lại nói truyện cả việc nhà không sót một câu nào. Bấy giờ Cầm-văn sợ hãi lắm, sai đi bảo chị râu và cháu phải lập tức làm cỗ cho thực to, rồi đem đến để làm lễ cúng. Bấy giờ con Cầm-văn mới tỉnh. (Thuật-dị-ký-trung)

Đó là việc quỷ thần nhập vào người ta mà nói, đại lược như thế rất nhiều, hiện có chép đủ cả ở trong sách Phật-học-khởi-tin và sách Phật-học-chỉ-nam, Phật-học-cơ-sở, vân vân . . . nên xem sét cho kỹ thì biết rằng cũng có quỷ thần thật, mà lời nói của thánh hiền dạy cũng chẳng sai.

第二級

ĐỀ NHỊ CẤP

宜知冥間確有閻王地獄

Nghĩ tri minh gian xác hữu Diêm-vương địa-ngục

BẠC THỨ HAI

NÊN TIN DƯỚI MINH-PHỦ THỰC CÓ VUA DIÊM-VƯƠNG VÀ ĐỊA NGỤC.

Người khách hỏi: sự có quỷ thần, thì tôi cũng đã biết rồi, duy còn cái tình hình ở dưới Minh-phủ, như là vua Diêm-vương và địa-ngục, thì tôi không thể biết được vậy dùng phép nào để làm chứng có rõ ràng mà biết được.

Định-tử đáp: Địa-ngục có mười vua, người ta sao biết được, duy có xem sách thì mới biết. Xem như trong sách chính-sử có chép rằng: Ông Hàn-cầm-HỒ làm vua Minh-vương. Lại như ông Khấu-Chuẩn, Thái-Tương, Hàn-kỳ, Phạm-trọng-Yêm, Từ-xương-Cốc, Triệu-dụng Hiền, Trương-đạo, các ông ấy đều làm Minh-vương, ở trong các sách sử có chép cả. Lại xem trong sách Tuỳ sử chép rằng: Ông Triệu-văn-Xương xuống Minh-phủ, trông thấy Trương nhà Tần tên là Bạch-Khởi (khi sống làm tướng sát hại kẻ sinh linh) đầu tóc rũ rượi ngồi trong hố phân mà chịu khổ. Sách Lương sử chép rằng: ông Lưu-Tát là người ở Tây-hà, khi trước đã chết rồi mà bụng vẫn còn nóng, cho nên người nhà chưa dám đem chôn, đến mười ngày mới lại sống lại, lúc sống lại có nói rằng: Ta xuống Minh phủ thấy có 18 cửa địa ngục, cứ tùy theo người phải tội nặng nhẹ mà bắt chịu tội khổ sở. Cứ xem trong các sách chép như thế thì biết chắc có vua Diêm-Vương và Địa ngục thực.

Người khách hỏi: Ông đã nói có địa ngục và vua Diêm vương, xin có việc nào xác thực thử nói thí nghiệm và gián chứng có rõ ràng cho tôi biết, để cho tôi khỏi ngờ?

Định tử-đáp: Nay tôi vì ông xin nói lược mấy truyện có chứng có sự thực như sau này:

漏 志 高 再 生 記

Lậu-trí-Cao tái sinh ký

1. — TRUYỆN LẬU-TRÍ-CAO SỐNG LẠI
(Lục-kỳ thuật).

Lậu-trí-Cao là người làng Thái-bình huyện Tiền đường, 40 tuổi chỉ làm nghề khâu da, nết na cần thận, tử tế, làm người thông minh và cũng biết chữ. Ở làng Cồ-đường có miếu Đông-nhạc rất thiêng, hằng năm cứ đến ngày 28 tháng 3, ai ai cũng nô nức đi đến miếu ấy đốt hương cúng bái. Trí Cao thì cứ ngày 26 đã lòng thành đến thắp hương cầu cúng trước, rồi về, đến ngày 27 bỗng nằm chiêm bao thấy có người gõ cửa gọi Trí-Cao gấp quá, Cao ra mở cửa, thấy một người râu trắng mình mặc áo bào đầu đội khăn xanh (tức là ông Thổ-thần chỗ ấy), bảo Cao rằng: Chốc nữa có người đến với mày để bàn việc gì, thì mày ở nhà đừng đi đâu. Nói xong rồi lập tức phun hơi vào mặt Cao, lạnh buốt đến xương, lâu lâu rồi mới tỉnh. Lúc tỉnh thì thân thể cũng không việc gì, nhưng lưỡi vẫn không nói được. Người nhà sợ hãi đi đón thầy thuốc về chữa. Một lát nữa lại nằm chiêm bao thấy người gõ cửa gọi gấp quá. Cao ra mở cửa, lại thấy ông Thổ-thần trước giần một vị sai-quan và bốn người lính đến lập tức bắt chối lấy Cao đem đi. Đem đến một cái lầu nhỏ, vị sai-quan cầm cái giấy phiếu bảo Cao rằng: Ta vàng mệnh vua đi bắt 13 tên phạm, mà mày chính là tên phạm thứ 13 đó. Cao trông thấy trong tờ phiếu có viết chữ rằng: «滿 志 高 湖州 德 清 人 Mãn-trí-Cao Hồ-châu Đức-thanh nhân», nghĩa là Mãn-trí-Cao là người làng Đức-thanh châu Hồ. Trong bụng lấy làm ngờ, tự nghĩ rằng ta ngày thường chỉ giữ phận làm ăn, có sao mà mắc phải nạn to thế này. Vả ta xem trong giấy bắt thì chỉ phải có chữ tên, còn chữ họ và làng quán thì đều không phải, có lẽ bắt nhầm ta chăng. Được một lát, nghe thấy rất ba hồi trống, rồi sai-quan bắt Cao lên nộp. Cao trông thấy cửa son gác tia, rực rỡ trang nghiêm, như là một rinh quan Phủ vậy, phía tây lại thấy có một cái nhà để giam chối gông cùm những người tù tội

nhiều lắm, trông cũng như tòa hình án ở nhân-gian vậy. Bấy giờ
 đem Cao đến trước sân, rồi bắt cùng quì với 12 tên phạm. Nghe
 thấy sai-quan bầm lên một câu-rằng : Đã bắt được tên trọng-
 phạm Lậu-trí-Cao xin đem về nộp. Cao trông lên thấy có một vị
 Tôn-quan, mặt đỏ, đầu đội mũ cánh phượng giắt vàng, mình mặc
 áo bào, lưng đeo đai ngọc, ngồi ngảnh mặt hướng nam. Lại
 có đến 20 ông quan nữa, đều đội mũ đỏ, chia ngồi hai bên,
 trông thật là trang nghiêm lắm. Lúc bấy giờ Cao quì ở dưới thềm,
 lòng rất lo sợ, lặn khóc kêu oan. Nghe thấy vị Tôn-quan hỏi
 rằng « ai thế ». Sai quan bầm rằng : tên trọng-phạm Lậu-trí-Cao.
 Vị Tôn-quan lại bảo rằng : « đem nó lên đây »; rồi bảo Cao
 rằng: mày chính là trọng-phạm, còn oan gì mà kêu khóc, Cao
 quỳ lay tâu rằng : Tôi vốn là người thợ khâu da ở Tiền-đường,
 vẫn giữ phận làm ăn, không có tội gì không biết tại làm sao mà
 phải bắt thế này. Vả tôi xem trong giấy thì bắt tên Mãn-trí-Cao ở
 làng Đức-thanh, mà tên ấy với tôi cũng không có can thiệp gì, xin
 tha cho tôi về kéo oan tôi lắm. Bấy giờ vị Tôn quan lập tức sai
 lấy sổ đình làng Tiền-đường ra xem, quả nhiên có người thợ
 da là Lậu-trí-Cao thật. Lại sai đem sổ đình làng Đức-thanh ra
 xem, thì quả có tên Mãn-trí-Cao, thực là trọng phạm. Vị Tôn quan
 mới bảo Cao rằng: Mày là người có nết tốt ở trên dương gian,
 mày chưa tạn số, nó bắt nhầm đây thôi tha cho về, Lập tức sai
 đem bốn người lính đi bắt trước đánh mỗi đứa 20 roi, rồi lại sai
 một người lính khác đưa Cao về dương thế. Cao khấu đầu lay
 tạ ra về. Cao bấy giờ mới biết là mình phải đến trốn Minh-phủ
 còn trước vẫn tưởng là nha-môn trên dương gian vậy. Khi về đến
 nhà, một chốc rồi mới tỉnh dậy thì thấy vợ con đương ngồi chung
 quanh mình kêu khóc như mưa. (Tri-Cao chết ngất đi từ giờ ty
 ngày 27 đến giờ thìn ngày 28 mới sống lại). Lúc Tri-Cao sống
 lại rồi nhưng miệng vẫn còn chưa nói được, bèn lấy giấy bút
 viết mấy chữ rằng : « 東嶽拿德清滿志高公差
 誤拿我今送還魂速備羹飯紙錢以犒送者 ».
 Đông-nhạc nã Đức-thanh Mãn-trí-Cao, công sai ngộ nã ngã,
 kim tổng hoàn hồn, tốc bị canh phạn chỉ tiền, dĩ khao tổng giả.

Nghĩa là dưới Minh-phủ bắt tên Mãn-tri-Cao làng Đức-thanh, nhưng sai-quan bắt nhầm phải ta, nay lại đưa hồn ta về, phải mau làm cơm canh và mua tiền dấy, để khao tiền người đưa ta về. Người nhà mới vội vàng sửa cơm rượu và tiền giấy vàng bạc đem ra cúng tiễn. Bấy giờ Tri-Cao mới nói được, khỏe mạnh như thường.

沈自玉再生記

Thầm-tự-Ngọc tái sinh ký

2. — TRUYỆN THẦM-TỰ-NGỌC SỐNG LẠI (Lục-kỳ thuật)

Thầm-tự-Ngọc tên chữ là Đĩnh-Tân là người ở Hàng-châu, thi đỗ Cống-sinh, sau ra ngụ ở chùa Tướng-quốc. Đến tháng năm năm Nhâm-thìn, nhân khi bệnh mới khỏi, một hôm tiễn đưa người bạn lên chơi núi Ngô-sơn, mỗi mệt quá, trở về chùa nằm rồi đứt hơi chết ngất đi. Lúc bấy giờ hồn Tự-Ngọc đi vờ vẫn không biết là đâu cả, Thấy có một đứa bé con dẫn đi trước, đưa Tự-Ngọc đi độ trăm bước, thì trông thấy có lầu đền cao lớn, mấy lần cửa mở, thăm thẳm rộng rãi ước vài mươi dặm. Hễ đi đến cửa nào thì cũng có đến vài mươi người lực-sĩ cầm đao dương mộc tra hỏi kỹ lắm. Đứa bé ấy nói: Người này là thiện-sĩ tên là Thầm-đĩnh-Tân. Bấy giờ mới được cúi mình rón rén mà vào. Cửa thứ nhất có treo một cái bảng đề bốn chữ rằng: « 乾坤一照 » (kiến khôn nhất chiếu). Nghĩa là giới đất sáng soi như một. Đến cửa thứ hai có chữ đề rằng: « 輪迴生死地人鬼去來關 » (Luân hồi sinh tử địa nhân quỷ khứ lai quan) Nghĩa là chốn luân hồi sống chết, cửa người ma đi lại. Vào đến cửa trong thì mát mẻ u ám, không dám ngừng lên trông. Đi quanh một lúc, thấy cửa đằng tả có một tòa rực rỡ nguy nga, đường đi ngoắt ngoéo, đến một cái nhà to, trông thấy người bạn cũ là ông Vương-chiêu-Bình, tiên-sinh mời vào nói chuyện như lúc bình sinh. Tự-Ngọc nói rằng: tôi nay phải

bệnh dữ quá, sợ không trắc có sống lại được không? Vương-chiêu-Bình cười mà nói rằng: không! không! tôi được vãng mệnh đức Ngọc-hoàng, mỗi năm cứ đến tháng 5 và tháng 12, hai kỳ đối sổ, sét khắp cả thiên hạ, xem người nào thiện, người nào ác. Nay vua Diêm-vương sét người là người có nết tốt, cho người thêm tuổi và thêm lộc, trắc rằng người thọ lộc còn nhiều, việc gì mà lo. Tụ-Ngọc nói: Tôi được khỏi tội là may còn giám mong gì nữa. Được một lát, nghe thấy có tiếng roi đình tai. Ai cũng nghiêm sắc mặt mà nói rằng: ấy vua Diêm-vương sắp lên đèn đỏ. Những vị quan các dinh cũng đều ra châu cả. Tụ-Ngọc cũng theo đi ra, thấy vua Diêm-vương ngồi cao trong dèng ngọc, những người cầm sổ đều đi rảo dưới đèn, đọc to lên rằng: Tỉnh mô, phủ mô, làng mô, tên mô, ngày mô, tháng mô, làm được mấy việc thiện. Tên mô, ngày tháng mô, làm mấy việc ác. Đối sổ tra xét từng người, thật là rõ ràng lắm. Sét hết người này đến người khác, ước độ vài giờ thì nghỉ. Đến ngày hôm sau lại tra xét như thế. Còn ở dưới thềm thì thấy có vạc giàu, cột lửa, nào kiếm-thụ, nào đao-sơn, người nào làm ác thì đem ra đây làm tội, rất là thê thảm quá. Lại có cả cò, quạ, kèn, trống, đưa đón người thiện, đi lại rập riu, nào thưởng, nào phạt, thực là nghiêm chang. Khi bấy giờ trông thấy ông Trần-huyền-Thiên và ông Gia-còn-Đình cùng ngồi một toà. Tụ-Ngọc đi qua chào mà nói rằng: Các ngài được xưng xướng như thế này, ở đời ít có. Các ông ấy đáp lại rằng: Như ngài là người nhân từ đoan chính, vua Diêm-vương cũng trọng cũng là ít người được như thế. Bỗng lại thấy ông Vương-chiêu-Bình từ trong bước ra nói rằng: Lũ chúng tôi may nhờ ơn đức Ngọc-hoàng đều được làm việc ở điện tiền này, nếu ngài sau khi tạ thế, chắc cũng được như chúng tôi vậy. Tụ-Ngọc lại nghe thấy nói rằng: Tòa Diêm-vương mỗi ngày khảo hạch hai kỳ, tra sét hết đàn ông rồi sét đến đàn bà, đến ngày nay là ngày 25 thì tra sét đến tỉnh Triết-giang (tức là Hàng-

châu). Tụ-Ngọc cũng mũ áo chỉnh tề theo các người đi ra. Được một lát, thấy gọi đến tên Tụ-Ngọc. Tụ-Ngọc lên ra hầu, trông thấy ông Vương-chiêu-Bình, Trần-huyền-Thiền và Gia-côn-Đình đều ngồi bên cạnh vua Diêm-vương đèn thứ sáu. Vua Diêm-vương hỏi các ông ấy rằng : Người này có phải là Thầm-đỉnh-Tân không ? — Thưa rằng phải. Vua Diêm-vương ra chào, rồi đón mời tiếp đãi tử tế như khách. Vua Diêm-vương nói : xét người là người có nét hiếu hũu, trinh khiết, không làm hại ai, không dan dâm ai, không lấy không của ai, không làm việc gì ác, chỉ hay làm thiện và làm việc phúc đức mà không cầu ai biết : người thực là người có phúc to ở nhân-gian. Tụ-Ngọc nói : Đỉnh-Tân tôi ngày nào cũng chỉ hối quá, sửa mình, sợ còn mắc lỗi, chứ có tài đức gì đâu. Vua Diêm-vương vừa cười vừa nói rằng : Chính thế, cho nên ra lộc, tặng thọ cho người, để làm gương cho kẻ khác. Tụ-Ngọc có ý sợ hãi. Vua Diêm-vương nhân đem sổ ra cho Tụ-Ngọc xem, thì đều những việc Tụ-Ngọc làm từ lúc bé cho đến lúc già, việc gì cũng biên chép cả. Vua Diêm-vương lại bảo Tụ-Ngọc rằng : Người có biết không ? Đây có người suốt đời làm ác, mà lại được danh lợi chính là lấy cái danh lợi mà làm cho người ấy dễ mắc tội và đó. Cũng có người suốt đời làm thiện, mà lại phải bần tiện, chính là lấy cái bần tiện mà làm cho người ấy được yên thân để hưởng phúc đó. như người suốt một đời chỉ chăm học, đi thi thời khi được khi hỏng, chỉ đỗ được Cống-sinh mà thôi, chính cũng là để cho cái thân danh người được yên hưởng vậy. Nói tóm lại cái phú quý như là dây điện, như là bóng sáng, cái danh lợi như là bọt nước, như là bóng vang, trong chốn thật mà hóa giả, trong trốn sắc mà hóa không, những người ngu si không biết, nên thương tiếc lắm, Như nay phần thưởng có ít mà phần phạt thì nhiều. số thiện có ít mà số ác thì nhiều, là tại làm sao ? Tụ-ngọc thưa rằng : Bởi tại lòng người không nghĩ lại. Lòng người mà không nghĩ lại, là đều bởi sự tham lam, dâm dục, sa hoang quá độ, mà vẫn tưởng quỷ thần không biết đấy là đâu. Vua Diêm-vương nói : Chính phải, chính phải. Vậy người về dương-thế,

nên gắng sức khuyên bảo hết mọi người phải chăm học lấy 8 chữ : « 諸惡莫作衆善奉行 = Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành ». Nghĩa là chớ làm những điều ác, phải nên làm những điều thiện. Thiện ác quả báo, rầu như sợi tơ cái tóc, cũng không sai chút nào. Người nên hết sức khuyên răn người ta, chớ bảo rằng đạo quỉ thần không có mà hay rồi được đâu. Bấy giờ Tự-Ngọc thưa rằng : Xin vâng mệnh, rồi lấy tạ mà về. Khi về, lại có ông Vương-chiêu-Bình đưa đường về. Ngày 25, Tự-Ngọc vẫn nằm ở trên giường, người nhà bỗng nghe thấy Tự-Ngọc mở miệng nói rằng : « đưa tôi về chùa Trường-quốc ». Được một chốc, thì Tự-Ngọc quả nhiên sống lại, (Tự-Ngọc chết ngắt đi từ ngày 19 tháng 5 đến ngày 25 mới sống lại, bởi vì người vẫn còn nóng, cho nên chửa dám đem chôn). Khi bấy giờ Tự-Ngọc đã ngoài 70 tuổi, chân đi còn khỏe mạnh như bay mà tinh thần vẫn lạnh lợi như lúc còn trẻ vậy.

圓陽記

Hồi - dương - ký

3. — TRUYỆN HỒI-DƯƠNG-THẾ (Trần-thúc-Văn)

Ông Trần-thúc-Văn nói rằng : ta từ lúc bé chỉ chăm nghiệp nho, mà không làm được việc gì là giỏi. Việc thiện to rầu không hay làm được, nhưng lúc ở một mình, rầu không ai biết, vẫn phải giữ gìn cẩn thận, không dám làm càn. Đến như đạo Phật, rất huyền diệu lắm, lòng tuy không mộ (vì đã theo đạo nho) nhưng cũng không dám khinh thường bĩ bác bao giờ.

Niên-hiệu Khang-hy, năm Bính-dần, ngày 16 tháng tư, bỗng nổi cái giot ở lưng, càng ngày càng đau dữ quá. Đến ngày 25, khắp cả mình mẩy đau buốt cả. Bấy giờ có một thầy Tăng bàn việc nhân-quả Tam-muội-thủy-sám. — Thúc-Văn nói : Nếu bàn về cái nhân đời trước, thì sao không kết quả ngay từ kiếp trước ; nếu bàn về cái nhân đời nay, thì tôi kỹ xét mình tôi không đến nỗi phải chịu quả-báo kiếp này. Ngay đêm hôm

ấy, Thúc-Văn tinh thần mê mẩn, linh-hồn muốn xuống dưới Minh-phủ để xem việc quả-báo ra làm sao. Nằm chết ngất đi, bỗng thấy ông Thổ-thần bản-cảnh đến rút tay Văn mà dặn rằng : « Lối đi có ba đường, mày nên đi đường giữa. chứ đừng đi đường hai bên cạnh. Nước giữa đường chớ uống, cầu trong cửa Quỷ-môn chớ qua. Nếu phạm vào ba điều ấy, thì không thể sống lại được nữa ». Văn vâng lời rồi đi. Đi chưa được mấy bước, quả thấy đường trước có một mù già cho nước thi, nước ấy thơm lắm, người uống rất nhiều. Văn đến đấy, quả nhiên gọi Văn cho uống. Văn lập tức đổ xuống đất. Những đứa quỷ trông thấy muốn lại đánh. Mù già ấy mắng rằng : Người ấy là Tam-thế-tăng, không nên đánh. Văn được đi thoát. Không mấy bước nữa, đến cửa Quỷ-môn, thấy cánh cửa đóng chặt, có hơn mười đứa quỷ mặt xanh, chân đỏ, hỏi Văn đi có giấy má gì không ? Văn đáp rằng không. — Quỷ nói : Không có giấy má thì không mở cửa. Văn cố sức dẩy cửa để đi. Quỷ nói : Đã không có giấy, nếu biết ba câu gọi thì mở cửa cho. Văn hỏi : Gọi thế nào ? Quỷ nói : Người có đạo pháp, thì gọi Thái-thượng lão-quân. Người có Phật-pháp, thì gọi Tam-thế như-lai. Người có nét thiện thì gọi Cứu-khổ-quan-âm. Bấy giờ Văn sực nhớ lúc mù già cho nước gọi mình là Tam-thế-tăng, mới gọi lên rằng : « ngã phật Như-lai ». Cửa quả nhiên mở ra. Đi qua cửa ấy rồi lại thấy có cánh đồng nước rộng ước vài mươi dặm, có một cái cầu chia làm ba đường, đường tả gọi là Đãng-tiên. đường hữu gọi là Tích-thiện, đường giữa gọi là Nại-hà. Văn nhớ lời ông Thổ-thần dặn, không dám lên cầu đi. Mới hỏi những đứa quỷ rằng : Đồng nước này tên gọi là gì ? Quỷ đáp : Đây là « Bề khổ ». Văn muốn nhờ quỷ chở qua. Quỷ đến vỗ vào lưng Văn mà bảo rằng : Mày nặng quá, ta không chở được. Văn hỏi : nặng thế nào ? Quỷ đáp : mày là người niệm kinh đời trước, cho nên nặng. Đứng dừng dằng một lúc, chợt thấy hai người Đầu-đà đến công Văn đi qua bề ấy. Văn hỏi : Các người là ai ? Đầu-đà đáp : Cách bốn năm trước, hai chúng tôi đến nhà ông, ông cho ngủ trọ và cho ăn cháo, nay

chúng tôi ở đây, trông thấy ông, vậy cảm ơn ông mà chờ ông qua đó. Bấy giờ ngoảnh lại trông xuống bể khổ, thấy một người từ trên cầu ngã xuống, những rần rết và thường-luồng kéo ra vây bắt. Người ấy kêu to lên một tiếng rằng : « mẹ ơi » ! Lập tức biến hóa ra cảnh hoa sen cao vót lên. Văn hỏi duyên cớ làm sao ? Đầu-đà đáp : Người ấy là họ Chu, làm nghề bán thịt, duy có nết hiếu với cha mẹ, vậy có thiện báo cho nên nẩy ra cảnh hoa sen để cứu khổ đó. Văn nói : Gớm nhỉ ! có một nết hiếu mà được thế à ! Văn bèn bái biệt Đầu-đà rồi đi. Đi khỏi chỗ ấy, thấy một tòa đền thứ nhất, trên cửa treo một cái biển đề bốn chữ rằng : « Trần-quảng đại-vương ». Ngoài cột có đôi câu đối rằng : « 萬惡淫爲首 白行孝爲先 = vạn ác dâm vi thủ, bách hạnh hiếu vi tiên ». Nghĩa là : Muôn tội ác cái dâm là đầu, trăm nết tốt cái hiếu là trước. Lên trên đền, thấy hai bên hành-lang bày những chày cối đá, ở trên có yết-thị rằng : « Trên dương-gian hễ ai hay sui dục sự kiện cáo, thì phải chịu tội này ». Lại thấy vài mươi người Thầy-tăng đều đứng ngảnh mặt về hướng bắc, vua Diêm-vương thì ngồi phía tây-nam, ngảnh mặt về hướng bắc mà tụng một câu rằng : « 彌勒佛速賜報應風 = Ri-lặc-phật tốc tứ báo ứng phong ». Nghĩa là : Xin đức phật Ri-lặc chóng cho cái gió báo ứng. Một lát, quả có cái gió to đến, thì thấy có người không động gì đến mũ áo, có người bay mất mũ, có người bay mất cả mũ và quần áo bị trần chuồng ra mà đứng đấy. Bấy giờ vua sai tiên đưa những người còn áo mũ ra, còn những người bị bay mất mũ và quần áo thì ở lại để tra xét. Văn sẽ hỏi quan Minh-phán rằng : Tại làm sao thế ? Quan Minh-phán đáp : Người nào có đức hạnh, thì gió không động đến áo mũ, người nào tội nhỏ thì bay mất mũ, người có tội to thì bay mất cả mũ và quần áo đứng trần chuồng ra. Văn bèn đi ra. Qua đền thứ hai, cửa đóng không vào được. Lại lên đền thứ ba, thấy hai bên hành-lang bày những đồ cưa mổ, trên có yết thị rằng : « Trên dương-gian hễ ai làm lia rẽ vợ chồng người ta ra, thì phải chịu tội này ». Đến đền thứ tư thấy hai bên hành-lang để vạc dầu, trên có yết-thị rằng : « Trên



đương-gian hễ ai dạn dām thì phải chịu tội này ». Đến đèn thứ năm có một cái biển to viết chữ « 閻羅天子 » Diêm-la thiên tử ». Bỗng nghe thấy trong bọn đông người gọi tên hiệu Văn, trông ra thì thấy ông Từ-giao-Quang là thầy giầy Văn trước. Thầy giắt Văn đến gốc cây to mà hỏi rằng: Mày đã chết rồi ư? Văn thưa rằng: Tôi không biết, tôi nhân phải bệnh đau dọt ở lưng, vậy tôi đến đây xin vào chầu vua xem sao? Thầy nói: đề ta vì mày tra xem thế nào; lập tức đến hỏi quan Minh-phán. Minh-phán bảo rằng Văn chưa tận số. Bấy giờ Thầy bảo Văn rằng: Ở đây không thể chơi lâu được, hưởng lại được chầu vua ư! Văn mới chào Thầy rồi đi. Rồi lại cứ vào đến tận trước đèn. Vua Diêm-vương trông thấy thét mắng rằng: « Mày là người nào, dám đến đây? ». Văn tâu rằng: Tôi không phải là Tạng, cũng không phải là Đạo, tôi chỉ giữ được cái lương tâm của tôi thôi. Vua Diêm-vương hỏi: mày ở trên dương-thế đã tụng kinh niệm Phật chưa? Văn tâu rằng chưa. Vua Diêm-vương hỏi: Như thế, thì mày có biết cái bệnh đau của mày tại đâu mà ra không? Văn tâu rằng: Tôi chính là muốn hỏi xem việc quả báo về cái bệnh đau ấy thế nào cho nên tôi mới đến đây. Vua Diêm-vương lập tức sai quan Minh-phán tra xét đề xem. Độ một lúc, thấy quan mang sổ đến Văn dòm xem thì thấy sổ sách phân minh lắm, ai làm việc gì cũng biên chép cả. Như ai làm việc thiện to thì viết chữ vàng việc thiện nhỏ thì viết chữ đỏ; ai làm việc ác to thì viết chữ xanh, việc ác nhỏ thì viết chữ đen. Văn trông thấy thế lấy làm sợ dựng tóc gáy lên. Vua xem xong mới bảo rằng: Mày có một việc án về người đàn bà hóa họ Mao chữa kết xong đó. Văn khẩu đầu hỏi có làm sao? Vua Diêm-vương nói: Mày muốn biết rõ, thì đến hỏi thầy mày ở núi Bạch-hạc. Văn tâu rằng: Đường đi xa hay gần? Vua Diêm-vương nói: đi độ 7 ngày, nhưng đi đến đấy thì không về dương-thế được nữa. Văn liệu mình xin đi. Quan Minh-phán có lòng thương Văn, xin cho một nén hương cầm đi, thì có thể chóng đến ngay. Vua Diêm-vương gật đầu cho, bèn sai một người Lại đưa đi. Đến một cái đèn cao, thì đã trông thấy núi Bạch-hạc rồi, chỗ đó núi cao chót vót, dài các

· nghiêm trang, như là nơi Cực-lạc thế giới vậy. Dưới gốc cây thông có một cái nhà danh, thì trông thấy ông Thầy Văn ngồi ở đó. Thầy gọi Văn bảo rằng: Mày lại đây thật ư! ta đã biết rồi. Nay, mày là Tam-thế-Tăng, đời trước tên mày là Bản-thanh, làm Thầy-Tăng ở chùa Báo-ân tỉnh Giang-nam, mà ta thì hiệu là Minh-tu, là Tam-thế-xu mày. Khi ấy mày ở tỉnh Giang-nam, thấy người đàn bà hóa họ Mao có một người cháu đẹp đẽ, muốn đi ở chùa, nhưng người đàn bà hóa không nghe, mày ngầm đến rõ ràng nó đem nó đi xuất gia, chó đuổi cắn, mày lại đánh chết con chó ấy, rồi đem đưa cháu ấy về chùa, nuôi đến năm nó 16 tuổi, mày cho nó cắt tóc ở chùa. Người đàn bà hóa họ Mao, nhân thương nhớ cháu, khóc quá hóa lòa rồi bị chết. Nay nó kiện ở dưới Minh-phủ. Còn như con chó nó không có tội mà mày đánh chết nó, bây giờ nó đến cắn vào lưng mày, cho nên mày thành bệnh đau dọt ấy; Mà ông sư đến bảo mày tụng kinh sám-hối, tức là người tròn con chó kiếp trước đấy. Văn hỏi Thầy rằng: Như thế thì có cách nào mà gỡ được cái tội quả báo ấy? Thầy nói: Mày về tụng một pho kinh Kim-cương hay là một bộ kinh Dược-sư, thì có thể gỡ được nạn ấy. Văn thưa rằng: đệ tử tôi rầu kiếp trước là Tam-thế-tăng nhưng kiếp này theo đạo nhỏ, xin thầy đem Phật-pháp dẫn bảo cho tôi được biết. Thầy lập tức chỗ lên câu kệ trên vách mà hỏi rằng: «佛法僧三寶看來是常套若還參得透道岸容易跳= Phật, Pháp, Tăng tam bảo khán lai thì thường sáo, nhược hoàn tham đắc thấu, đạo ngạn dung dị triệu». (Nghĩa là: Phật, Pháp, Tăng, ấy là Tam-hảo, xem ra là sáo thường, nếu mà xem thấu được, cõi đạo nhảy được ngay). Mày có hiểu câu kệ này không? Văn thưa rằng: Tôi không hay hiểu được. Bấy giờ thầy đập tay mà bảo rằng: Cái nghiệp-duyên của mày chưa hết, mà cái thiện-quả của mày chưa đến, nay mày hãy cứ về dương-dan. Độ một lát. Văn chợt tỉnh dậy. Văn nhân đó chép ra để răn đời vậy. (Tin-chưng lục)

吳斗文口述

Ngô-đầu-Văn khẩu thuật

4. — TRUYỆN ÔNG NGÔ-ĐẦU-VĂN (Chu-dung-Hồ thuật)

Ngô-đầu-Văn là người học-trò ở Thường-châu, làm người nết na cần thận. Ngày mồng một tháng riêng năm Ất-hợi, chợt nằm ngủ, chiêm bao thấy một vị Sai-quan lén vào, đưa một cái phong thư mà nói rằng: Giấy này là của vua Đông-nhạc mời ngài, xin ngài đi ngay. Đầu-Văn sợ hãi rồi tỉnh dậy. Ngay hôm ấy đưa đầy-tò cũng nằm chiêm bao thấy như thế. Đầu-Văn lấy làm quái lạ. Cách 3 hôm nữa, Đầu-Văn lại nằm chiêm-bao thấy vị Sai-quan lại đến, thì hồn Đầu-Văn phải đi ngay, thấy đi đến một tòa nhón, có một người mặc áo xanh đưa vào một cái nhà bên cạnh, có 3 gian, bốn bề xếp đầy những sổ sách. Đầu-Văn hỏi: Chỗ này là chỗ nào và sổ sách gì thế này? Người mặc áo xanh nói: Đến chốc nữa thì biết. Đầu-Văn thử cầm một quyển xem, thì thấy ở mặt trên có biên chủ cả họ tên mình. Bỗng có một người ra, đến bắt tay Đầu-Văn mà mời cùng ngồi rồi nói rằng; Hiện nay sắp đến vận hội đổi kiếp đổi đời, ở phủ Đông-nhạc đã định. Nha tôi sổ sách nhiều lắm, nhân có thầy người là Dương-Mỗ tiến cử lên, cho nên cho giấy lại mời. (Dương đã chết 5, 6 năm rồi). Đầu-Văn nói: Tôi là kẻ hủ nho có biết gì đâu, Thầy tôi nhằm mà tiến lên, tôi sợ không làm nổi việc; vả lại thầy tôi chết đã lâu ngày, nay tôi muốn đến chào phỏng có được không? Ông ấy tức vẫy tay, thì đã trông thấy Thầy Dương đến trước mặt rồi. Thầy trò trông thấy nhau cùng chầy nước mắt khóc. Thầy Dương nói: năm nay mày 36 tuổi vừa tận số, ta yêu cái nết tốt của mày, vậy đem mày đến đây. Đầu-Văn hỏi: Đây là đâu? Dương nói: Đây là phủ Đông-nhạc, phủ này coi lắm những sổ sinh, tử, nhân lúc đổi kiếp đổi đời, công việc nhiều lắm, cho nên bảo mày đến giúp việc; nhưng hôm nay hãy về, từ lần sau lúc nào lại đây phải cần thận mới được. Giặn xong rồi đi. Đầu-Văn cũng tỉnh dậy. Từ bấy giờ về sau, linh hồn Đầu-Văn cứ

mỗi đêm phải đến đây một lần. Khi đến, thì có một người Minh-lại mang sổ để trước án, và một cái bàn tính. Một vị Minh-quan với Đầu-Văn cùng ngồi, giở sổ cùng xem xét, người Lại ở bên cạnh gảy con tính rất nhanh. Vị Minh-quan nói rằng : Sổ này là biên những người đáng chết, chỉ còn người nào có trung-hiếu, tiết-ngĩa và âm-đức to thì bỏ ra, không biên vào sổ này. Tính xong, đến gần sáng lại tỉnh dậy. Có người bạn biết truyện mới đến hỏi Đầu-Văn rằng : Anh xuống Minh-phủ làm những sổ sách về địa-hạt nào ? Đầu-Văn nói : Địa hạt nào cũng có, duy Sơn-tây, Bình-dương thì nhiều hơn cả. Người bạn lại hỏi : Dưới Minh-phủ bàn tính những việc gì ? Đầu-Văn nói : Dưới Minh-phủ rất trọng những người trung-thần, hiếu-tử, nghĩa-phu, tiết-phụ, mà rất ghét những kẻ bất trung, bất hiếu ; Vả lại bắt tội cả những người ngoài miệng chỉ nói trung hiếu, mà việc làm ra thì bất trung bất hiếu. Người bạn lại hỏi : Xem trong các làng, các xóm, kẻ chợ, nhà quê, cũng nhiều người bất hiếu mà mắng cả cha mẹ, sao không bắt tội ? Đầu-Văn đáp : Những đứa ấy là kẻ ngoan ngu không biết gì, cha mẹ không dạy, hay là oan đối kiếp trước, cùng là loài súc-vật hóa sinh, thì không đủ so sánh mà làm tội ; duy những người có học thức đã biết nghĩa lý, nếu phạm phải điều ngô-nghịch như là bất trung, bất hiếu, thì bắt giảm cả sự-nghiệp và tuổi thọ, rầu kêu cầu cũng không thoát được. Thời bấy giờ bọn học-trò ông Dương nhiều người ngờ Đầu-Văn là nói càn, rủ nhau cùng làm một phong thư đem đến miếu Đông-nhạc làm lễ trình ông Dương rồi đốt đi. Độ mấy hôm, những người bạn cùng đến giờ thăm Đầu-Văn xem sao và hỏi rằng : Mấy hôm nay anh xuống Minh-phủ có thấy thầy bảo gì không ? Đầu-Văn nói : Có, chính thầy bảo tôi giả lời các anh rằng : « Các anh có lòng thành gửi thư thông tin, nhưng âm dương cách biệt, không tiện hồi thư được ». Nay nhân các anh đến hỏi, chứ tôi có biết đâu, mà rầu tôi có biết cũng không dám nói rõ. Còn như tôi là chỉ vì ngày thường không có làm càn, cho nên được tiêu giao tự tại, nay các anh nên chăm chăm về những việc có đạo nghĩa, chớ có bậy

bạ làm càn, mà mắc phải ác nghiệp báo đó. Bấy giờ các người bạn đều lấy làm sợ cả. Đầu-Văn làm việc âm-phủ như vậy, được ba tháng nữa thì quả nhiên chết thật. (Trích ở sách Tin-chưng-lục).

沈 六 飛

5. — TRUYỆN THẦM-LỤC-PHI
(Trích ở sách Tin-chưng-lục)

Thầm-lục-Phi là người ở Hàng-châu. Năm thứ 27 niên-hiệu Khang-hy, phải bệnh thương hàn nặng quá, một hôm linh-hồn tự trong màn đi ra lạc xuống đất, lúc mới đi thì mờ tối, đi một lúc thì thấy hơi sáng, trông đất và nước đều sắc vàng cả, bỗng trông thấy một nha môn to, có người đưa vào, nhưng không thấy quan ở đấy. Người ấy bảo Thầm ngồi đợi ở mé đằng tây. Chợt thấy một người đến ôm sốc vào nách Thầm, trông ra mới biết là ông Minh-bá. Thầm nhân hỏi rằng: Đây là xứ nào? Minh-bá nói: Đây là đền Phong-đô. Bấy giờ Thầm kêu khóc cầu cứu. Minh-bá bảo rằng: Ta lúc ngày thường không làm việc gì càn bậy, vả lại viết chữ tốt, vậy dưới Minh-phủ sai ta viết một nghìn bộ Pháp-hoa kinh, nếu ta làm xong thì được thác sinh làm Trạng-nguyên trên dương-thế. Thầm cố kêu cầu đến 3, 4 lần. Minh-bá mới đưa đến hầu ông Tổ-sư. (là một ông Lão-tăng), rồi hai người cùng kêu cầu thắm thiết lắm. Ông Tổ-sư trông hai người rồi bảo rằng: Lũ mày kêu thắm thiết như thế, ta trông thấy cũng mở lòng từ bi. Lập tức sai người đưa đến vua Diêm-vương xin tha. Đã được tha rồi, có một người Minh-lại đưa ra. Đến cửa thứ nhất, người canh cửa hỏi: có giấy má gì không? Đáp rằng không. Người canh cửa nói: Đã được tha về rồi, nếu bây giờ mà giở lại xin giấy thì chể quá, ta nhân có cái giấy không, điền vào cho mày, lập tức cầm bút lấy mực viết vào cái giấy ấy rồi đưa cho. Ra khỏi cửa lại gặp người chú (đã chết rồi). Chú hỏi: mày lại được về ư? về bảo thím mày thu xếp công việc của nhà rồi ba hôm nữa thì lại đây nhé. Khi về đến nhà thì

Thăm sống lại. Lúc sống lại, hỏi thím có được khỏe mạnh không? Người nhà đáp rằng: Thím phải bệnh cảm hàn chỉ hơi hăm hăm sốt thôi. Thăm mới đem những lời chú dăn mà nói truyện. Quả nhiên ba ngày nữa thì người thím chết thật.

陸 詹 事 深

Lục Thiêm-sự Thâm

6. — TRUYỆN QUAN THIÊM-SỰ LỤC-THÂM

Ông Lục-Thâm tên chữ là Tử-Uyên, chết ngất đi ba ngày rồi lại sống. Lúc sống lại gọi con tên là Tiếp bảo rằng: May lấy bút giấy biên ghi những lời của ta như sau này: Ta đương lúc ốm nằm mơ thấy như là ta ngồi ở công-đường, thấy có hai người mặc áo vàng quì xuống trước sân mà nói rằng: Chúng tôi vâng mệnh vua đến đón ông đây. Ta chưa kịp nói, mà đã thấy như ta ngồi trên xe rồi, mà hai người mặc áo vàng đi trước, còn người theo sau đến vài mươi người, xe đi như bay, đến một cái thành, người mặc áo vàng nói: Xin xuống xe đi bộ. Độ một lát, không thấy xe đâu nữa, rồi hai người công ta mà chạy. Lại đến cái thành, người mặc áo vàng nói: Xin thay áo. Đi một chốc nữa, lại thấy đến một cái thành rất cao, có lầu đền như là kinh-đô vậy. Qua mấy lần cửa, trông thấy đại điện nguy nga, có một ông vua đội mũ ngồi trên đền, người mặc áo vàng lén vào trước tâu rằng: Chúng tôi phụng mệnh đi bắt được Lục-Thâm đã về. Vua Diêm-vương đứng dậy nói: Đem vào đây. Bấy giờ ta rón rén đi vào, đứng chau mặt về hướng bắc. Vua gọi ta mà hỏi rằng: Nhà ngươi có biết ta không? Ta tâu rằng: Đức Điện-hạ có phải là Trương-Đạo ngày xưa không. (vì lúc sống đồng học với nhau). Những lính hầu thét mắng rằng: Làm sao dám gọi tên vua ta. Vua nói: Người này là cố-nhân ta, chúng bay không được mắng. Một lát vua bảo ta rằng: Số người làm quan đến nhất-phẩm, thọ đến 80 tuổi, vì người phạm phải 3 tội lớn và 12 tội nhỏ,

cho nên làm quan phải giáng mất 3 phẩm, mà thọ giảm đi mất 12 tuổi. Bấy giờ ta vừa 68 tuổi, nghe thấy nói thế sợ quá, tâu rằng: Như tôi năm nay phỏng có khỏi chết không? Vua nói: Không chết sao lại đến đây; Mới sai mang sổ cho xem. Ta trông thấy những ngày thường mà ta nói câu gì và làm việc gì, cũng biên đủ cả, ở dưới cuống sổ viết chữ đỏ kể các tội lớn và tội nhỏ của ta. Bấy giờ ta cố kêu cầu vua xin lấy nghĩa cũ mà cứu giúp cho được toàn mệnh. Vua bảo rằng: việc đó chủ ở Thượng-đế, chứ tôi không có chuyên trách, vậy nay tôi vì cố-nhân phải chịu tội với Thượng-đế, mà xin hãy thư lại cho cố-nhân hai tuần-nhật nữa (20 ngày), để về thu xếp công việc và dặn bảo vợ con. Bèn sai người mặc áo vàng đưa ra. Đã ra đến cửa, vua lại gọi mà bảo rằng: Nay đã đến đây, mà không được biết các địa-ngục như thế nào, thì sao hay dặn bảo người đời, lại sai người mặc áo vàng đưa đi xem các địa-ngục rồi hãy về. Ta trông thấy các địa-ngục, nào đồ cưa mồ, nào chày cối đá, nào vạc rầu và những đao sơn, kiếm thụ, trông thật là sâu thẳm vô cùng. Ta vội vàng chạy ra ngoài thành rồi đi. Đi lâu lâu một lúc, thấy tối tăm mù mịt, chẳng biết là đâu, chợt thấy có ánh đèn sáng thì vào, trông thấy cái xác ta vẫn nằm ở giường, người mặc áo vàng vỗ vào cái xác cho linh hồn ta nhập vào, lập tức ta sống lại.

Được hai tuần nhật nữa, thì quả nhiên chết thật.

第三級

ĐỆ TAM CẤP

有輪廻之確證

Hữu luân-hồi chí xác chứng

BẠC THỨ BA

NÓI VỀ VIỆC LUÂN HỒI

Người khách hỏi: Nhà Phật bảo rằng người ta sống ở trên đời mà làm ác, lúc chết xuống Minh-phủ phải tội, bắt hóa

sinh làm kiếp súc vật. Điều ấy tôi không tin, vậy tôi muốn biết đích xác cho khỏi ngờ, thì có phép nào mà biết rõ được không?

Đình-tử đáp: Xem như sách Tiểu-sử có chép rằng: Thái-nguyên-Mô làm rắn, Hạ-anh-Công làm rồng, Trương-nguyên-Chinh làm vượn, Trần-Quốc làm trâu, Chu-Trấn làm lừa, Giang-đình-Bân làm ngựa, Lý-thẩm-Ngôn làm dê, Diễn-gia-Nô làm cáo, vân vân... Nói không xiết hết, có lẽ chép nhầm cả hay sao. Lại như Ngưu-Ai làm hổ thì chép ở sách Sử-ký, Như-Ý làm chó thì chép ở sách Hán-thư, sách Tấn-thư thì chép: Tuyên-mẫu hóa làm thường-luồng, Tống-mẫu hóa làm ba-ba, sách Tả-truyện chép: Bành-Sinh hóa làm lợn, Bá-Côn hóa làm gấu. Xem những sách ấy đã chép dành dành, chứ có phải là Tiểu-thuyết đâu. Nói tóm lại tức như nhà Phật bảo là cái kiếp luân-hồi đó. Nay xin nói mấy truyện sự thực như sau này:

1. — TRUYỆN ĐẦU SINH LÀM KIẾP LỢN

Trương-Mỗ ở làng Đông-hương, nhà cũng tầm thường, có mẹ già ngoại 70 tuổi, Trương-Mỗ vốn có hiếu hạnh, khéo thờ mẹ lắm. Lúc người mẹ phải bệnh, gọi Trương đến vừa khóc vừa dặn rằng: Ta chợt nằm chiêm bao, đi xuống Minh-phủ, thấy có người bảo rằng: lúc ta trẻ tuổi ngộ-nghịch với bố mẹ chồng, nay chết phải đầy vào nhà họ Thái ở làng bên cạnh làm con lợn móng trắng. Nói xong rồi chết. Trương thương mẹ kêu khóc rồi khâm liệm đem chôn, xong rồi mới đến làng bên cạnh dò xem, thì thấy nhà họ Thái quả có con lợn móng trắng mới sinh, y như lời mẹ dặn. Trương về đem tiền đến nói xin mua con lợn ấy, nhà Thái cũng bằng lòng bán cho, Trương lập tức đem về nhà nuôi nấng rất là tử tế.

2. — TRUYỆN VƯƠNG-NHỊ THÁC SINH LÀM KIẾP RẮN (Linh-Ẩn Hồi-thái-sur thuật)

Quan Chỉ-huy Vệ Thái-thương tên là Vương-Nhị, lúc mới sinh ra, có cái nốt rằn ở trước bụng, mà lại hay nói ngay được việc đời trước.

Này ông ấy tự nói rằng: Ta kiếp trước là con quan, nhà giàu có kẻ hàng vạn triệu. ta hay bố thí cho những kẻ nghèo cùng, làm được nhiều việc thiện quả. Chỉ phải một cái tình hung-ác, mà đánh chết đầy tớ rất nhiều. Đến lúc chết, vua Diêm-vương phạt ta bắt phải làm kiếp rắn ở dưới hòn đá trong cửa Tự-bảo thành Kim-lăng. Bảy giờ phải đi làm kiếp rắn đến khi đã lớn, mà vẫn nhớ cả các công việc kiếp trước, trong lòng lấy làm chán quá. muốn liều mình chết đi cho thoát, ngay đêm hôm ấy, ra nằm ngang ở dưới cửa thành, đến trống canh năm, cửa thành mở ra. liền bị các bánh xe lăn vào đè chết. Bảy giờ cái hồn rắn lại về châu vua Diêm-vương. Vua bảo rằng: Mày phải tội làm kiếp rắn chưa mãn hạn sao được tự tiện liều chết đi, như thế thì lại phải đi làm rắn nữa, cho đủ cái hạn oan-nghiệp quả-báo rồi mới được thôi. Ta khấn đầu gối cầu xin tha. Vua nói: Mày hay làm phúc, đáng được phúc báo. chỉ vì mày phải cái ác-tâm ác-tinh, vậy nên phải đầy làm kiếp rắn để quả-báo mày. Hồn lại cố kêu thảm thiết, xin tha cho làm người đừng bắt đi làm kiếp rắn nữa. Vua nói: ư! vậy cho lên làm người, nhưng cũng vẫn phải chịu cái tội quả báo về kiếp rắn. Mới cho thác sinh làm chức Chỉ-huy Vệ Thái-thương.

Sau ông ấy quả nhiên được làm quan Chỉ-huy, nhà cũng giàu có, duy ở trước bụng có một nốt rắn lang lơ meo mốc, dài ước 7, 8 tấc, rộng ước 2 tấc, cứ đến mùa nắng nực, khí hơi tanh xông vào người ta rất là khó chịu, thường phải sai đầy-tớ lấy nước lau rửa luôn luôn, vậy nên người ta thường gọi là Sà-bi Vương-Nhị. (Ông Vương-Nhị da rắn)

3. — Ông Từ-hán-Tài là người bán hàng cơm ở tỉnh An-huy, mỗi ngày giết thịt đến mười con lợn để bán hàng. Ông ấy làm nghề ấy đã lâu năm, có một hôm, đương lúc xẩm tối, bỗng mắt hoa lên mà trông những thịt treo ở cửa hàng đều biến ra như hình người cả, lấy làm sợ quá, vội vàng lấy đèn đem soi xem, thì lại thấy vẫn y nguyên là thịt lợn. Bảy giờ mới biết

rằng xúc vật với người ta đều là kiếp luân-hồi cả. Lập tức đón thầy Tăng về nhà làm chay để cúng sám-hối. Từ bấy giờ không làm nghề ấy nữa. (Thăm-thiệu-liên tiên-sinh thuật).

4. —Vưu-chấp-Tam, là người ở Trường-châu, khi trước nhà nghèo. thường làm người Ngục-lại ở huyện, sau cũng giàu có. Đến năm thứ ba niên hiệu Thiệu-hưng, phải bệnh rồi chết. Chính ngày Vưu chết ấy, thì nhà làm ruộng ở làng bên cạnh, có con trâu đẻ được một con nghé trắng, mà ở dưới bụng nó có mấy cái lông đen xếp thành 7 trử rằng : «Vưu-chấp-Tam tăng tác lao tử=尤 廿三曾作牢子». Nghĩa là khi trước Vưu-chấp-Tam thường làm người Ngục-lại ở huyện, có ần ác báo, vậy phải bắt đầy làm kiếp xúc-sinh. (Ri-kiên-Bính trí-thuật).

Người khách hỏi: Như người làm ác, thì phải đầu sinh làm xúc vật, tôi đã được nghe rồi, còn người làm thiện, lại được đầu sinh làm danh-nhân, thì có sự thực hay không ?

Đinn-tử đáp: Xem từ xưa đến nay, những bậc danh-nhân, phần nhiều bởi các Cao-tăng ra đời. Như ông Phòng-thứ-Luật là hậu-thân ông Cao-tăng Tri-Vĩnh, ông Tô-tử-Chiêm là hậu-thân ông Cao-tăng Ngũ-Giới vân vân.... Vậy tôi xin nói mấy truyện sự thực về việc thác sinh làm danh-nhân như sau này:

1. — TRUYỀN ÔNG SƯ ĐẠI-THÀNH ĐẦU SINH LÀM DANH-NHÂN
(Trích ở sách Tin-trung-lục).

Xử-lập-Am là người ở Ngân-huyện, có người cha là người chỉ chăm làm việc thiện, thường cùng với một vị xư cụ hiệu là Đại-Thành đi lại chơi bời rất thân. Khi người mẹ hoài thai đã đến ngày sinh, bỗng thấy xư Đại-Thành cầm cái bát đi thẳng vào trong nhà, người cha lấy làm lạ, vội vàng theo bước chân vào xem, thì không thấy đâu nữa, chỉ thấy sinh được một đứa con giai đặt tên là Lập-Am. Sau người cha ra chùa hỏi, thì xư Đại-Thành đã hóa rồi, vì thế mới đặt tên tự cho Lập-Am là Đại-thành. Đến năm Ất-vị niên hiệu Thuận-trị. Xử-lập-Am thi đỗ Trang-nguyên. Cả đời chỉ ăn chay.

2. — Người lão-nho ở đất Lâm-bình tên là Chung-tuấn-Hữu nói rằng: Có một người bạn rất thân là người họ Triệu, nhà cũng giàu có, vừa 40 tuổi. Một hôm, cùng với vài người bạn thân uống rượu ở trong vườn, Triệu đương lúc rượu say, trèo lên núi chơi, lỡ vấp chân ngã xuống, được một lúc thì chết. Buổi chiều hôm ấy, có nhà họ Tiền ở làng bên cạnh, sinh ra một đứa con giai, lúc mới sinh ra không biết khóc, dần dần lớn lên cũng không biết nói, như là người câm vậy. Đến năm lên 9 tuổi, người cha đi thi xong về nhà, để cái quyền giáp bài ở trên cái bàn, rồi đi chơi với bạn. Lúc trở về nhà, thấy quyền bài giáp có giấu phê điểm cả, coi như giấu bút của người lão-sinh tức-nho, lấy làm ngạc-nhiên, hỏi khắp người nhà thì đều nói không có ai đến cả. Nhân hỏi bốn đứa con rằng: Hay là mày chấm đấy chăng? Bấy giờ đứa con mới vừa cười vừa nói rằng: Vâng, tôi chấm đấy. Người cha mừng rỡ quá, mới hỏi con rằng: Từ trước đến nay có sao không nói? Con đáp: Tôi chính là Triệu-Mỗ ở Lâm-bình, nhân khi uống rượu say vấp ngã bị chết, không ngờ dưới Minh-phủ lại cho vào đầu thai ở đây; lúc mới đẻ ra, thân thể bé nhỏ, chân tay mềm yếu, trong bụng vẫn biết cả, mà miệng không nói được, dần dần lớn lên, nhân tự hỏi khi ngã chết, vả lại thương nhớ vợ con, nói ra sợ sinh quái gở, cho nên cứ lặng im đi làm vậy. Người cha mừng được người con sâu có tính thông minh giậy, bảo cho học tập, đến năm 16 tuổi, đi thi đỗ, mà bấy giờ vợ con kiếp trước vẫn còn cả. Người con họ Tiền muốn đi xem cái nhân-duyên kiếp trước, mới trở thuyền đến hỏi tận nhà. Khi đến người con họ Triệu ra đón, thành ra một người chủ với một người khách. Người họ Tiền trông thấy người con họ Triệu đương soạn giấy má bề bộn; liền hỏi: những giấy má gì mà bề bộn thế này? Người họ Triệu đáp: Tôi đương tìm cái văn-tư của cha tôi khi trước cho người ta vay, vì đã lâu ngày, không biết cha tôi để vào đâu hay là lẫn vào đâu, mà tôi tìm vẫn chưa thấy. Người họ Tiền than nói một câu rằng: thử tìm ở trong tờ giấy số mấy ở trong quyển sách ấy xem có thấy không! Người con họ Triệu nghe lời quả nhiên tìm thấy văn-tư thật. Lấy làm lạ lùng và có ý sợ hãi. Bấy giờ người họ Tiền cũng

không nói vì duyên cớ sao cả, mà cáo từ rồi đi ngay, Khi giở ra về, lại gặp ông Chung-tuấn-Hữu ở giữa đường, liền chào hỏi như là quen biết đã lâu, lại mời Tuấn-Hữu về chơi nhà họ Tiền, rồi nói truyện cả cái nhân quả hai đời, thật là lạ quá. (Trích ở sách Tin-chưng-lục).

— 3. — TRUYỆN NGƯỜI HỌ CAO ĐẦU THAI VÀO NHÀ
HỌ HÙNG LÀM DANH-NHÂN
(Trích ở sách Tin-chưng-lục)

Khoảng năm Thuận-trị, ông Cao-đăng-Vân làm quan Lệnh huyện Gia-hưng, nói truyện với các quan cùng hàng và các Lại-dịch rằng: Việc nhân-quả ở thế-gian, đừng bảo là hão huyền không có, như quan Hùng-đạo-Đài (tức Hùng-Cao) đời nay, tức là người chủ-họ họ Cao ta đời trước."

Nguyên nhà họ Hùng với nhà họ Cao ta cùng ở một làng. đời ấy, đời khác, hai họ vẫn có tình thông gia. Khi trước người chủ họ Cao ta là người có đức hạnh, có tài thông minh, học rất giỏi, nhưng thi không đỗ, tuổi đến 80 mà trí khí vẫn mạnh mẽ. Một hôm, ở trong nhà một mình, rồi nằm trên ghế mà chết. Thấy có hai người đội mũ nhỏ, mặc áo xanh, đi quanh trước sân, bước lên thềm, không nói gì cả, rồi kéo ngay ra ngoài cửa. Người chủ họ Cao ta vừa sợ vừa hỏi rằng: Bắt tôi đi đâu? Hai người ấy đáp: Vua sai bắt đưa đi đầu thai cho làm danh-nhân. Sau thấy đưa đến một nhà, nhìn ra là nhà họ Hùng, tức là nhà họ ngoại. Khi ấy nhà họ Hùng chưa có con gái, nhân lúc người vợ lẽ họ Hùng sắp đẻ, những người họ hàng đến ngồi chơi đề đợi mừng, người nhà họ Hùng đẻ con gái. Hai người ấy đưa hồn vào tận nhà trong, thấy một người đàn bà sắp đẻ, hai người ấy lấy tay đẩy một cái ngã vào trong cái bồn, thì người vợ lẽ nhà Hùng lập tức đẻ ra một đứa con gái, cả nhà đều lấy làm mừng rỡ. Đến khi lên 7 tuổi, vẫn không biết nói. Người cha muốn đón thầy để giấy, nhưng hiềm là câm. Một hôm, người con ấy theo anh em đi chơi đến nhà họ Cao (là nhà đời

trước), gặp người con rể đòi trước đứng ở cửa. Người con họ Hùng kéo vạt áo mà trách rằng: Mới cách 6. 7 năm nay, mà anh đã quên ta à ! Sao trông thấy bố vợ mà không chào. Rồi đem truyện kiếp trước là người chú-họ họ Cao từ khi nằm ở ghế mà chết đi, và bây giờ đến đầu thai nhà họ Hùng, kể cả cho mọi người đều nghe. Ai ai cũng đều lấy làm sợ, mà mới biết người con họ Hùng ấy tức là người lão-nho họ Cao đời trước vậy. Từ bấy giờ giờ về sau, mới hay nói được, mà học sách nào cũng chỉ học qua một lượt, thì miệng đọc được cả. Đến năm 18 tuổi, đi thi Hương đã đỗ. Năm 19 tuổi đi thi đình lại đỗ luôn. Sau làm quan Giám-ty. Vậy đặt tên tự là Hùng-Cao (tức là Hùng-đạo-Đài).

1. — TRUYỀN NGƯỜI HỌ HỨA ĐẦU THAI VÀO NHÀ HỌ ĐÀI LÀM DANH-NHÂN

Ông Thầm-thiệu-Liên tiên-sinh nói rằng : Ở Sơn-côn có người họ Hứa, nhà nghèo, làm nghề đi cày ruộng, tính nết siêng năng cần thận. Khi bấy giờ ở sườn núi sứ ấy có cái lạch nước chảy thường đầy, người đi qua lại lỡ chân thường bị chết. Hứa mới lấy cái bừa cũ đem bắc qua lên trên, để cho người ta đi lại, ai ai cũng lấy làm tiện lắm. ược mấy năm, Hứa chết. Linh-hồn Hứa đi đến một chỗ trông thấy như là nơi cung khuyết nhà vua, có một ông vua bảo rằng : Mày ở trên dương-thế, có bắc một cái cầu chín răng, công đức cũng to, nên cho mày được hưởng cái quả báo tốt. Vua mới sai người Minh-lại đưa đi cho đầu thai lên làm danh-nhân. Người Lại đưa đến nhà họ Đài ở Long-phu là một nhà quan to. Hồn đương sợ hãi bàng hoàng, bỗng nghe tiếng người nói rằng : « con giai ». Hồn mới mở mắt ra trông, thì ra mình đã nằm trong cái vải bọc để ở trên giường rồi. Trong bụng cũng biết mà miệng không hay nói được. Sau lớn lên, cứ thường hỏi thăm nhà họ Hứa ở Sơn-côn, thì ai cũng bảo rằng : cách làng không biết. Đến năm 16 tuổi trong lòng bâng khuâng, lấy làm nhớ quá, mới sắm sửa thuyền xe và đem mấy

người đầy tớ đi tắt đến Sơn-côn. Khi đến làng, gặp những người trong họ còn biết cả và còn gọi được cả tên những người họ ấy. Bấy giờ mới hỏi thăm mồ mả Hứa ở đâu và nói truyện cả cái nhân-quả đời trước cùng đời này. Ai nghe thấy cũng lấy làm sợ, mới đưa ra mả, rồi người trong họ nói truyện rằng: Nguyên khi Hứa chết, nhà nghèo không có gì để chôn, nhà láng giềng cho một cái áo-quan đem ra ngoài đồng vùi xuống, rồi lấy cỏ đắp lên trên. Người con họ Đái thấy thế lấy làm thương sót lắm. Mới thuê tiền để đắp phần mộ lại, và cho tiền tậu ruộng rồi giao cho người họ Hứa cày cấy để cúng giỗ tết. Xong rồi lại về nhà họ Đái. Sau thi đỗ làm quan, sang, giàu, thịnh vượng, hưởng phúc vô cùng.

第 四 級

ĐỆ TỨ CẤP

宜 明 果 報 之 理

Nghi minh quả báo chi lý

BẬC THỨ TƯ

NÊN BIẾT CÁI NHẼ QUẢ BÁO

Người khách hỏi : Xem như những người làm thiện mà được thiện báo, người làm ác mà phải ác báo, lẽ ấy đã đành ; Lại có người làm thiện mà phải ác báo, có người làm ác mà lại được thiện báo là tại có sao ?

Định-tử đáp : Người làm thiện mà được thiện báo ngay, người làm ác mà phải ác báo ngay, ấy tức là nhà Phật bảo rằng : « hiện-thế-báo = 現世報 » Nghĩa là : cái quả-báo ngay đời bây giờ. Kia xem trong kinh Thục có câu rằng : « Huệ địch cát, tòng nghịch hung = 惠廸吉從逆凶 » Nghĩa là : Việc làm thuận lẽ thì được lành, làm trái lẽ thì phải dữ. Lại có câu rằng : « Thiên đạo phúc thiện họa dâm = 天道福善禍淫 » Nghĩa là : Đạo giới cho phúc người thiện, bắt tội người dâm. Lại có

câu rằng : « Tác thiện đáng chi bách tường, tác bất thiện đáng chi bách ương 作善降之百祥作不善降之百殃 ». Nghĩa là : Làm việc thiện thì giới cho trăm sự lành, làm việc bất thiện thì giới bất trăm sự hại. Những lẽ ấy, trong sách nho cũng thường nói nhiều. Còn như người làm ác mà lại được thiện báo, đó không phải là cái quả báo hiện đời bây giờ đâu, nghĩa là cái thiện-quả đời trước để lại, cho nên kiếp này được hưởng thiện báo ; còn cái quả báo về đời này làm ác, thì lại để đến kiếp sau phải chịu. Những người làm thiện mà lại phải ác báo, cũng không phải là cái quả-báo hiện đời bây giờ đâu, nghĩa là cái ác-quả đời trước làm ra, cho nên kiếp này phải chịu ác báo ; còn cái quả-báo về đời này làm thiện, thì lại để đến kiếp sau mới được hưởng.

Người ta sống ở đời, có người dài đời, có người vắn đời, hề đã có nhân-duyên ấy thì tất phải có quả-báo ấy, nhưng cái tuổi thọ có kỳ, không thể đợi mà hưởng cái thiện-quả hay là ác-quả được. Vì thế, cho nên có người làm ác lại được thiện báo, mà làm thiện lại phải ác báo đó.

Nay cứ xem câu nói luân-hồi, quả-báo, trong sách nhà nho rầu không chép rõ, nhưng sách nhà phật thường nói rõ cả đến ba đời (đời trước, đời này, đời sau), vậy thử xem mấy việc sự thực ở sau này :

爲善而得善報

Vi thiện nhi đắc thiện báo

NGƯỜI LÀM THIỆN MÀ ĐƯỢC THIỆN BÁO

TRUYỆN NGƯỜI TRƯƠNG-MA-TỬ TRẢ BẠC

Trương-ma-Tử là người ở huyện Trường-châu, làm nghề chở đồ thuê, nhà nghèo, mà vợ lại chết sớm. Có một hôm, đi ra nhà xí thấy một người ở trong nhà xí vội vàng chạy ra, đánh rơi một cái túi. Ma-Tử nhặt lấy mở ra xem, thấy trong túi có mấy lạng bạc, vội vàng cầm chạy theo đưa trả người ấy, thì người ấy đã vào đến trong huyện rồi, Khi người ấy đến huyện, tìm

đến túi bạc thì không thấy đâu nữa. Bấy giờ kêu khóc rồi lên kêu quan huyện rằng: Hôm nay tôi đem bán một đứa con gái được mấy lạng bạc, không ngờ tôi đi vội đánh rơi mất cả, xin ngài tra hỏi cho. Quan huyện liền thét mắng là nói càn. Bỗng thấy Ma-Tử mang túi bạc đến rồi nói rằng: Tôi có bắt được cái túi bạc của anh, số bạc vẫn còn đủ cả, vậy đem trả anh. Quan huyện mới hỏi rằng: Mày bắt được ở đâu? Ma-Tử cứ lấy tình thực thưa trình. Quan huyện khen là người có lòng tốt, lập tức lấy 300 đồng tiền lương của mình thưởng cho Ma-Tử, để làm gương khuyên răn cho kẻ khác. Đời bấy giờ ai ai cũng truyền tụng là một việc có nghĩa lắm. Đến năm sau Ma-Tử phải bệnh nặng, đã chết đi rồi lại sống. Khi sống lại, nói truyện rằng: Linh-hồn bị bắt xuống Minh-phủ, thấy có một người đội mũ ngồi ngảnh mặt hướng nam mà bảo rằng: Tên Trương-ma-Tử có một việc trả bạc, công đức rất to, vậy được tăng thọ cho về dương-thế. Hiện nay Ma-Tử đã ngoài 60 tuổi, mà vẫn khỏe mạnh như người con trai vậy. Đó là việc năm thứ 18 niên-hiệu Khang-hy. (Trích ở sách Tin-chưng-lục).

TRUYỆN VỢ CHỒNG KIM-QUANG-TIỀN NHẤT TÂM NIỆM PHẬT

Ông Kim-quang-Tiền là người dốt không biết chữ, xuất thân đi lính rồi được làm nên quan võ, nhưng thấy việc thiện thì hay làm, không giết hại ai, không dan dām ai, không lấy không một vật gì của ai, không đốt hại một cái nhà nào của ai. Có người vợ là người họ Hùng, cũng biết chữ chỉ chăm tụng kinh. Sau Quang-Tiền nghe ông Lão Hòa-thượng giảng kinh ở chùa Linh-ân, rồi về đem cả vợ đến nghe thuyết pháp và học kinh. Ông Hòa-thượng cũng dạy bảo hết cả. Từ bấy giờ cả hai vợ chồng Quang-Tiền chỉ nhất tâm niệm Phật, để mong về sau được lên cõi Phật. Đến khi Quang-Tiền phải bệnh, người vợ bảo đi đón thầy thuốc về chữa. Quang-Tiền nói rằng: Ngày trước ta với mình đã được nghe Sư cụ Linh-ân giảng kinh thuyết-pháp, nay ta chính muốn làm cái kế hóa thân, thì nên đến chùa Linh-ân đón Sư cụ đến chứng minh, chứ đón

thầy thuốc làm gì. Người vợ lấy làm mừng, vừa cười vừa nói rằng: Tôi không ngờ ông cũng nhất tâm tu được đến thế; vậy thì tôi cũng xin cùng đi theo ông, nhưng hãy xin ông thông thả, để tôi mượn người đóng hai cái quan-tài đã. Quang-Tiền nghe vậy, đợi khi làm quan-tài xong, rồi chấp hai tay vào bụng mà hóa (1). Người vợ tức sai đi đón Sư cụ Linh-ân đến làm lễ sám-hối cùng 7 đêm ngày mới xong. Bảy giờ người vợ cũng tuyệt không ăn uống gì nữa, suốt đêm ngày không nằm, chỉ nhất tâm ngồi niệm Phật. Lại đến 7 ngày nữa, thấy trong mình hơi mỏi, bèn dựa vào quan tài mà chợp ngủ đi, phứt chốc rồi tỉnh dậy, nói rằng: « Đã đến giờ rồi ». Lập tức ngồi ngay lên niệm Phật rồi hóa. (Trích ở trong sách Quả-báo kiến-văn lục).

TRUYỆN NGƯỜI NÀNG GIÀU CÓ HIẾU

Cổ-ngữ có câu rằng: « Hiếu vi bách hạnh tiên = 孝爲百行先 ». Nghĩa là: Nết hiếu làm đầu trăm nết. Nếu người ta có một lòng thành thực, thì tà ma sa lánh hết, thần-linh hộ vệ cho, mà có thể đổi họa làm phúc được.

Niên-hiệu Khang-hy, tháng 3 năm Kỷ-hợi, ở xứ Giang-lăng phát bệnh dịch-tễ dữ lắm, có nhà mấy người chết hết cả, đường ngõ không có người đi, làm cho người ta sợ hãi quá, thậm trí có người bị bệnh mà anh em, họ hàng không dám đến hỏi thăm. Khi bấy giờ có người nàg giàu ông Hùng-Lê là người họ Tiền, đã về chơi nhà thăm cha mẹ đẻ, chợt nghe tin bố mẹ chồng ở nhà đều bị bệnh cả, liền muốn giở về ngay. Cha mẹ đẻ cố ngăn ở lại đừng về. Người nàg giàu ấy nói rằng: « Người ta mà lấy vợ, trước hết là để nhờ cậy khi bố mẹ chồng sống chết. Nay bố mẹ chồng tôi đều bị bệnh cả, mà tôi nhân tâm

(1) CHẤP TAY. — Nghĩa là: thành kính Phật. CHẤP TAY VÀO BỤNG. — Nghĩa là: Trong bụng đối với mười ngón tay mà thành kính như một.

không về, thì khác gì giống cầm thú vậy, tôi xin cứ về, nếu tôi cò bị chết ngay, cũng không dám mong cha mẹ phải nhìn đến nữa ». Nói xong rồi vội vàng bước chân ra về.

Hai bố mẹ chồng ở nhà đang lúc bệnh nặng, tinh thần mê mẩn bàng hoàng, chợt nghe thấy như có tiếng người nói chuyện với nhau rằng : « Các thiện-thần đã đang đưa người hiếu-phụ về, nếu chúng ta không mau trốn đi, thì chắc bị khiển trách to ». Từ khi người nàng giầu về đến nhà, thì cả hai bố mẹ chồng cùng khỏi bệnh cả.

Than ôi ! Đạo hiếu là một cái bồn phận người ta nên phải làm. tức như người nàng giầu ông Hùng-Lễ chỉ vì một lòng hiếu nghĩa, mà hay đổi họa làm phúc được, thế thì làm con người ta, lại không nên ở cho có hiếu nghĩa ư ! (Trích ở sách Kiến-văn-lục).

TRUYỆN ÔNG TÔN-BÌNH-THỨC LÀM PHÚC

(Trịnh-đào-Trai tiên-sinh thuật)

Ông Tôn-bình-Thức tiên-sinh, khi còn làm học-trò, nhà hàng xóm có người đàn bà hóa chồng, không giữ gìn cẩn thận bị cháy nhà, rồi cháy lan sang cả chung quanh hàng xóm mất hơn mười nóc nhà. Nhà người đàn bà hóa ấy bị chết cháy cả không còn người nào, mà những thây chết cháy vẫn nằm lẫn lộn ở trong đồng gio. Các nhà ở chung quanh đã bị cháy lây, lại phải tu tạo cửa nhà, nào là than gio, nào là gạch ngói vỡ nát vất ra, chồng chất lẫn lộn cả lên trên hải cốt những người chết cháy ấy. Tôn-bình-Thức trông thấy lấy làm cảm thương lắm, mới xuất tiền ra để mua quan tài và thuê người tìm những hải cốt người chết ấy để đem chôn cho khỏi bộc lộ.

Lại gặp khi giới làm mất mùa, kém đói, giá thóc gạo đắt quá, những người nghèo khổ bị chết đói nhiều lắm. Các quan đương nghị định làm phép « bình-thiếu 平糶 ». Nghĩa là : cho bán thóc gạo hạ giá, nhưng các nhà phú-hộ « 富戶 » lấy làm tiếc mà không chịu bán ra. Khi ấy Tôn-bình-Thức cũng gặp phải

lúc trong nhà sa sút, tiền thóc không sẵn có, mới đem bán một đôi lọ lọc-bình cổ, được 200 quan tiền, sai người đi đong thóc gạo về rồi bán hạ giá cho người ta và cấp giúp cho những người nghèo đói. Từ bấy giờ những nhà giàu có lấy làm cảm kích và xấu hổ, mới đua nhau cùng bán thóc gạo, giá mỗi ngày một hạ đi, người ta nhờ được yên sống khỏi lúc kém đói ấy không biết là bao nhiêu người.

Đến năm sau, Tôn-bình-Thúc đi thi đỗ Tiến-sĩ, làm quan ở tỉnh Mân, gió nhân, mưa huệ tran hòa, ai ai cũng đều yêu mến và kính phục lắm.

TRUYỀN NÀNG THẨM-PHU-NHÂN GIỚI SÁT
(Trích ở sách Tin-chung-lục)

Chu-thiên-Thu làm quan ở tòa Khu-mật, tích những gạo lương ở Trường-an. Gạo tích lâu ngày hóa ra có những con mọt gạo, sau cứ lấy gạo sảy thì những con mọt rơi đầy xuống đất, rồi đàn kiến đến tha ăn, sau những con gà chạy đến lại nhặt hết những con sâu mọt và kiến mà ăn cả. Nàng phu-nhân họ Thẩm trông thấy động lòng thương mới gọi các tôi-tớ bảo rằng : « Từ nay về sau, hễ lấy gạo sảy thì trước hết phải lấy cái vải hoặc cái nong, cái cọt giải xuống đất mà sảy, sảy xong rồi nhặt lấy những con mọt gạo ấy bỏ vào trong cái ống và bỏ một ít cám mạt vào ống ấy để làm lương cho nó ăn. hễ đầy ống ấy thì lại bỏ vào cái ống khác : làm như vậy là để khoan hoãn cái sự chết cho nó, chứ không nỡ để cho những con gà và đàn kiến giết nó mà ăn sống nuốt tươi ngay ». Không ngờ sau cứ đến mùa thu, thì những con sâu mọt ấy đều hóa ra có cánh mà bay đi cả.

Cách mấy năm sau, Thẩm phu-nhân bị bệnh nặng quá, Thiên-Thu sai đi đón các thầy thuốc đến chữa nhiều lắm, nhưng các thầy thuốc đều bó tay chịu cả mà không chữa được, bấy giờ thế bệnh nguy quá, đành chịu để đợi chết mà thôi. Thiên-Thu nhân đem cái sự giới sát của phu-nhân mà thở than rằng : « Phu-nhân cứu

sống được hàng trăm hàng vạn mệnh, có lẽ cái thân Phu-nhân phải chịu chết non mà không ai cứu ư » ! Sau quả nhiên Thảm phu-nhân lại khỏi bệnh, rồi lại sinh được một người con giai, cực kỳ thông-minh rĩnh-ngộ.

爲惡而得惡報

Vi ác nhi đắc ác báo

2 — NGƯỜI LÀM ÁC MÀ PHẢI ÁC BÁO

NÓI VỀ HIỆN THẾ BÁO « 現世報 »

(Trích ở sách Tin-chưng-lục)

Niên-hiệu Khang-hy, năm thứ 22, có người họ Lưu ở tỉnh Sơn-Tây, lúc ngày thường chỉ dành làm ác, suốt cả làng ai cũng phải nghiêng răng kêu. Chợt có một hôm, Lưu tự dẫn thân đến bản huyện, hai tay chấp lại, tự miệng nói sung ra : « Tôi vâng mệnh đức Thành-Hoàng bản-huyện đến đây, xin quan huyện giải tôi đến phủ Thành-Hoàng để tra tội ». Quan huyện cho là đùa giỡn, sai đuổi ra, rồi nó lại vào, trông hai tay nó cứ chấp lại, không có giây trói gì cả, mà sai mấy người kéo ra cũng không được. Nó cứ giở ra giở vào mãi đến hai ba ngày. Quan huyện bắt đắc gĩ phải làm tờ điệp tấu, sai lính đưa đến phủ Thành-Hoàng, rồi đốt tờ điệp ấy tâu lên. Bấy giờ Lưu lập tức nằm xuống dưới thềm, kêu khóc đau đớn như có người đánh vào mình, mà xem trong mình nó có vết tim đen như vết roi đánh thật. Một lúc chịu tội xong, rồi đứng dậy nói rằng : « Ngài lại giao về bản-huyện để cho mọi người đều biết ». Nhưng vẫn chấp tay mà đi. Khi về đến huyện tự miệng kể hết cả những việc ngày thường làm ác, không sót câu gì, mà câu nào cũng nói thật to như là tiếng kêu vậy. Vả lại nói một câu rằng : « Hễ người ở đời mà làm ác thì cũng như tên Lưu-Mỗ này phải chịu ác báo ngay, tức là hiện-thế-báo đó », Nói xong rồi hộc máu ra mà chết. Những người đến xem, kể có hàng vạn người.

TRUYỀN TÔN-NHẤT-TRÍ LỪA GIẾT NGƯỜI LẤY CÔNG

(Trích ở sách Tin-chưug-lục)

Tôn-nhất-Trí là người ở Giêm-thành đỗ Thám-hoa khoa Mậu-tuất thuộc về năm Thuận-trị. Khi Tôn còn hàn vi, nhà rất cùng khổ. Có một người cùng làng làm quan Hoạn-bộ, nhà giàu có lắm, thấy nhà Tôn nghèo khó, giúp cho rất nhiều, lại cấp phí tổn cho Tôn đi học, sau Tôn thi đỗ Thám-hoa, cũng được làm quan.

Chưa được bao lâu, ông quan Hoạn-bộ ấy lại thăng làm quan Giám-ty tỉnh Vân-nam, gặp có giặc Ngô khởi loạn, bị giặc vây hãm thành, thế không đánh được, phải chịu tiếng xấu, đến lúc giặc Ngô sắp tan, quan Giám-ty tự liệu mình tất mắc tội, mới chôn về quê nhà, nghe thấy Tôn cũng đương cáo-ưu ở nhà, lẳng lặng tìm đến nhà Tôn để cầu chỉ dẫn cho đường sinh-lộ và bàn kế vượt bể đi ngoại-quốc. Tôn biết sự tình giả cách nói khéo để lưn ở lại, rồi mật sai con đi cáo giặc. Quan Giám-ty bị bắt ngay rồi phải tội chết chém, mà người con Tôn vì có công bắt được đảng giặc, được thưởng cho làm quan ngay. Có một hôm Tôn bỗng trông thấy linh-hồn quan Giám-ty ấy hiện hình người đứng trên ngọn cột cờ thét mắng rằng : « Tôn-nhất-Trí kia ! lúc ngày thường mày được nhờ ơn ta bao nhiêu, ta gặp lúc nguy cấp mà đến cầu mày. nếu tội ta có đáng chết chẳng nữa, mày cũng nên cứu mới là phải, chứ sao mày lại nỡ sai con mày đi cáo thù bắt ta để lấy công ». Mắng như thế rồi cứ đứng đấy suốt ngày đêm không đi. Tôn lấy làm sợ và có ý ghét, sai người đem cưa đổ cột cờ. Linh-hồn ông ấy lập tức theo vào nhà Tôn rồi thét mắng, xỉ nhục tệ quá; vả lại bảo rằng : « Cái tuổi thọ mày còn chưa hết, không bao lâu nữa rồi ta cũng bắt mày, nhưng nay hãy bắt mày phải chịu khổ đã ». Nói xong, lập tức bẻ vụn xương sống lưng Tôn. Tôn kêu đau quá, không thể nào ngồi dậy được nữa, từ bấy giờ về sau cứ chịu bệnh nằm liệt đường, như là trúng phong-than vậy.

TRUYỆN NGƯỜI BẮN CHIM PHẢI QUẢ BÃO

(Trích ở sách Tin-chưng-lục)

Tiền-hán-Sung ở Thạch-môn, có một người con biết nghề bắn chim rất tài, cứ bắn trăm phát thì trúng cả trăm, không sai một phát nào, lúc ngày thường bắn chết kẻ có mấy vạn con chim. Không được bao lâu, người con Tiền-hán-Sung phải bệnh, ngày đêm kêu khóc khổ sở, mình mẩy đau đớn như là bị phải tên đạn, cứ lấy tay sờ khắp vào mình rồi nói rằng : « Chỗ này phải đạn đau quá, lấy kim mẽ ra ». Người nhà phải lấy kim cho mẽ ra, thì thấy bớt đau, được một lúc, lại sờ vào chỗ khác mà kêu như thế. Cứ mẽ như thế mãi đến mấy ngày, da thịt người con ấy thủng nát cả ra, không còn chỗ nào lành lặn rồi chết.

TRUYỆN NGƯỜI ĐÁNH BẦY CHÓ PHẢI QUẢ BÃO

Linh-Ân Hồi-thái-Sư nói rằng : Có một người ở Thạch-môn, tên là Trần-Tường làm đầy tớ ông Tiền-đăng-Cửu, cứ ngày ngày thường đánh bầy chó. Tà thường ngăn bảo khuyên răn, nhưng Trần-Tường vẫn giữ nghề ấy không chừa. Sau Trần-Tường bị bệnh, cứ kêu khóc đau đớn, buồn bã vật mình chực chết. Bỗng có một ông thầy thuốc biết cái bệnh căn của nó mới đến bảo rằng : « bệnh này cứ ăn phần thì khỏi ». Trần-Tường lập tức bỏ lê ra chuồng sí ăn phần thật no, nhưng cũng không khỏi, rồi sau làm ra tiếng chó kêu căn mà chết.

TRUYỆN NGƯỜI THỜI-HIỆN-CHI VÀ NGƯỜI VUU-MÔM-TỬ

PHẢI ĐẦU THAI LÀM SÚC-SINH ĐỂ TRẢ NỢ

(Trích ở sách Kiến-văn-lục)

Hoàng-châu có người tên là Thời-hiến-Chi, nhà giàu mà tính hay tham lận, khắc bạc. Khi ấy có người họ Lý đến vay nhà Thời 40 lạng bạc, sau Lý đem trả đủ cả gốc lãi tử tế, chỉ vì tin Thời là bạn chơi thân thiết, cho nên không cần lấy văn-tự về. Không ngờ được vài năm, Thời lại đem văn-tự ấy đến đòi lần nữa. Nhưng Lý cũng lại tính giả lần nữa, bấy giờ mới lấy văn-tự đốt đi. Không được bao lâu, Thời chết, mà nhà Lý có một con lừa đẻ ra một con lừa con, ở trán nó có mấy cái lông trắng mọc xếp thành ba chữ « Thời-

hiển-Chi ». Người nhà Thời nghe thấy thế lấy làm xấu hổ, mang tiền đến mua, nhưng giá con lừa con ấy bất quá chỉ một hai đồng, mà phải giả đến 40 lạng bạc mới mua được.

Lại có một người họ Trương nhà giàu có, cho một người tên là Vưu-môn-Tử vay một món tiền, mà tên ấy không giả được. Sau Trương nằm chiêm bao thấy tên Vưu-môn-Tử đến nói rằng : « Tôi lại đây xin làm kiếp trâu để kéo cày trả nợ ». Ngay đêm hôm ấy nhà Trương có một con trâu đẻ, sau hỏi ra thì quả nhiên Vưu-môn-Tử đã chết từ đêm hôm trước. Từ bấy giờ về sau, hễ Trương đứng trước đàn trâu mà gọi tên Vưu-môn-Tử thì thấy con trâu ấy gật đầu mà chạy đến ngay. Trương hỏi rằng : mày lại đây trả nợ ta có phải không ? thì con trâu ấy nó lại gật đầu.

Xem như thế, thì tiền của tuy là thân ngoại chi vật, nhưng cũng nên phân minh mới phải, kia như tên Thời-hiển-Chi và tên Vưu-môn-Tử mà nhãn tâm ăn không như thế, thì phải đầu sinh làm súc-vật để mà trả nợ, thực là đáng kiếp.

夙孽

Túc nghiệt

OAN NGHIỆT KIẾP TRƯỚC

Đại phạm người ta không làm việc gì ác, mà lại phải ác báo, đều là cái oan nghiệt kiếp trước cả.

Như có người ở đời nay làm việc ác, mà chưa phải chịu ác báo, đến đời sau mới phải chịu ác báo, nghĩa là sinh ở kiếp sau mà phải trả nợ oan nghiệt kiếp này, thế cũng gọi là túc-nghiệt.

凌氏女夙孽記

Lăng-thị-nữ túc nghiệt ký

TRUYỆN OAN NGHIỆT KIẾP TRƯỚC NGƯỜI CON GÁI HỌ LĂNG
(Lục-ký thuật)

Hàng-châu có người học-trò tên là Lăng-tự-Cát, (là bạn đồng xong với em Lục-Kỳ là Lục-côn-Đình) sinh được đứa con gái.

lúc trước cũng không có tật bệnh gì, đến năm đưa con gái 17 tuổi, mắc bệnh lạ quá, giống như bệnh chùng-phong, cứ rúc đầu, chôn mắt, nằm chết ngất đi một lúc lại sống. Người con gái ấy tự nói rằng: Hễ tôi trông thấy cái vật gì đen, thì lại vầng đầu chôn mắt muốn ngã, khỏi được hai, ba tháng thì bệnh lại phát một trận. Tự-Cát đi đón các thầy thuốc hay về chữa nhiều lắm, có người bảo rằng bệnh phong, có người bảo rằng bệnh kinh, người bảo rằng bệnh đờm, người bảo rằng bệnh khí-hư, người bảo là bệnh can-hư, người bảo là bệnh trong mình nó có tà, cho uống hết cả các thứ thuốc mà cũng không khỏi. Đến năm đưa con gái 19 tuổi, bệnh phát càng nặng. Tự-Cát đợi lúc bệnh phát, đến coi xét kỹ càng, để xem bệnh căn ra làm sao, thì nghe thấy nó lẩm rầm trong miệng. Tự-Cát lấy làm sợ, ngồi hỏi truyện nó thì nó nói trả lời ngay, rồi nó nói truyện rất có tăng thứ, mới nghe rõ có câu oan nghiệt kiếp trước. Bấy giờ Tự-Cát biết là bệnh nó có tà, mới dùng phép trừ tà, đi đón các thầy tăng về lập đàn cúng cấp và cho uống cả thuốc trừ-tà trấn-quỉ. Bỗng thấy nó nói một câu rằng: « Ta là oan-gia kiếp trước, dưới Minh-phủ cho ta lại đây sách-mệnh, rầu dùng phép gì cũng không đuổi được ta đi ». Hỏi đến việc oan nghiệt thế nào và tên, họ, làng quán ở đâu? thì nó nói rằng: « bây giờ không nói, sau rồi sẽ biết ». Độ hơn một tháng, đưa con gái lại thấy đưa quỉ mặt đen lại giắt đưa quỉ mặt trắng cùng đến bảo rằng: « Ngày mai bắt hồn mày xuống âm ty tra hỏi ». Tự-Cát vẫn không tin. Đến giờ Ngọ ngày mai quả thấy đưa con gái đương ngồi chỗ đông người bỗng kêu to một tiếng rằng: « Kia hai thằng quỉ đã đến bắt tôi kia kia! » rồi lại nằm ngã ra. Tự-Cát nghe thấy hai đưa quỉ ứng vào miệng đưa con gái mà nói lảm nhảm cãi nhau, nghe rõ một đưa quỉ mặt đen tên là Nghê-thụy-Long ở Dương-châu, một đưa quỉ mặt trắng tên là Viên-trường-Nho, hai đưa cùng ở một làng. Tự-Cát mới hỏi duyên cớ làm sao? Đưa quỉ đáp: ta là Nghê-thụy-Long, mà con gái mày đời trước tên là Lưu-ưng-Long làm quan Án-sát ở Dương-châu, ta đi kiện tên Viên-trường-Nho, quan đã ăn tiền bạc của ta, lại đánh thuốc độc cho ta phải chết ở ngục, cho nên mặt đen thế này. hồn ta

oan quá, đến nay đã sáu mươi năm rồi, vậy là đến đây bắt đền mệnh ta đó. Tự-Cát hỏi cái duyên do kiện nhau thế nào? Đưa qui đáp: ta có năm mươi mẫu đất, bán cho Viên-trường-Nho, ta chưa lấy được đủ số tiền, mà Trường-Nho giở mặt vô ngay của ta, rồi lại đem đất ấy bán cho người khác. Ta cùng kể, không biết làm thế nào, vậy ta phải đi kiện. Hiện nay tên Trường-Nho đã tuyệt-tự rồi, mà ta còn có con tên là Tôn-Mô. (những câu nói có bằng-cử cả). Lâu lâu người con gái lại tỉnh. Tự-Cát nghe nói như thế, vẫn còn ngờ là quái gở chưa tin, nhưng lại nghĩ đến việc báo-oan, thường thường cũng có, mới đến miếu Thành-hoàng-chính-thần ở bản-phủ, làm lễ và làm chạng tấu rằng: « Có phải quả là trăn-oan, thì cái sự giết người tất phải chết, nợ người tất phải trả, không giám kêu oan; nếu mà ma quỷ hoặc yêu tinh thoát thác nói cần để quấy nhiễu kẻ không có tội, thì xin thần-minh soi xét xử-quyết cho ». Lại sai người con gái kêu khẩn đức phật Quan-âm-đại-sĩ, mỗi ngày cứ tụng niệm ba nghìn tiếng, để cầu cho giải-oan thích-kết. Cách mấy hôm, người con gái thấy hai người linh giải hai đứa quỷ đến và bắt cả hồn con gái ấy đến phủ Thành-Hoàng tra xét. Đưa con gái lại nằm ngất đi, hồn nó với hai đứa quỷ cùng đi đến phủ Thành-Hoàng, ba người cùng qui ở dưới thềm. Thụy-Long nói trước rằng: người con gái này kiếp trước làm quan ở Dương-châu, nhân tôi đi kiện mà đã ăn tiền bạc của tôi, lại đánh thuốc độc làm chết tôi ở ngục, lời oan quá. Người con gái cãi lại rằng: mày cứ bảo ta ăn tiền bạc của mày. nay ta không chắc có hay là không, nhưng ta đã làm quan có lẽ nào ta tự tiện đến ngục mà đánh chết mày, hoặc ai đánh thuốc độc cho mày và thuốc độc bằng cái vật gì, thì phải nói ra cho mình bạch. Thụy-Long tắc miệng không nói được nữa. Đức Thành-Hoàng bảo đứa con gái rằng: Mày nói có lẽ, cái tội hại-nhân-mệnh thì không can phạm đến mày, nhưng mày làm quan đã ăn bổng lộc của nhà vua, có sao lại ăn tiền của dân, thì cũng không khỏi tội được. Lại chỏ vào mặt Thụy-Long bảo rằng: mày làm quỷ đã sáu mươi năm, thực ai làm chết mày mà mày không biết, lại đi kêu vu cho nó, vì thương cái

mệnh mày đã phải chết vậy hãy phạt mày năm roi. Lại hỏi đến Viên-trường-Nho. Trường-Nho run sợ, chối rằng: việc này tôi không biết. Đức Thành-Hoàng liền dặn, sai lời nó lại đây. Trường-Nho vội vàng tự thú nhận rằng: Có người nhà tôi nó đem đánh thuốc độc đây. Lập tức sai đem Trường-Nho ra đánh ba mươi roi. Đức Thành-Hoàng bảo rằng: việc này để ta bẩm tấu lên vua Diêm-vương sét định. Ước độ nửa giờ người con gái lại tỉnh. Mấy hôm nữa, người con gái đương nằm ở giường, bỗng ngồi dậy đi thay quần áo rồi nói mấy lời từ biệt rất là thảm thiết lắm, nói xong rồi nằm chết đi. Tu Cát xem mạch chưa tuyệt, duy chân tay lạnh cả, mà ở đầu và bụng còn nóng, ước độ nửa giờ thấy chảy nước mắt, một lúc lại ngáp miệng mà tỉnh dậy. Khi tỉnh dậy nói truyện rằng: tôi phải bắt đến đền vua Diêm-vương, có hai ông quan đứng chầu hai bên, ở dưới thềm có những đĩa quả đầu trâu, mặt ngựa canh cửa, trông rất chang nghiêm, xức nghe tiếng gọi tên Nghè-thụy-Long (tức là đĩa quả mặt đen), rồi gọi đến tên Lưu-ưng-Long (tức là tên tôi kiếp trước), sau gọi đến tên Viên-trường-Nho (tức là đĩa quả mặt trắng). Vua Diêm-vương sai hai quan Minh-phán cầm sổ tra hỏi, tôi cùng Thụy-Long đối tụng cũng như lúc đến phủ Thành-Hoàng trước. Quan Minh-phán quát to lên một tiếng rồi chỏ vào mặt tôi bảo rằng: Cái tội hại-nhân-mệnh không can phạm đến mày, lẽ ấy đã đành, nhưng mày lấy một nghìn hai trăm lạng bạc thì mày thực là có tội đó, thế nào cũng không tha cho về nữa. Bấy giờ tôi sợ hãi quá, mới kêu rằng: tôi xin chịu có tội, nhưng đời này cha mẹ tôi nuôi tôi mười chín năm nay, tôi chưa phụng dưỡng báo đáp được chút nào, hãy xin tha cho tôi về, (tức là khi nằm chết mà chảy nước mắt). Vua Diêm-vương nhân bảo rằng: mày đã biết nói như thế, vậy ta tạm tha cho về, nhưng từ giờ giờ đi, có làm được những việc tốt, thì mới được sống lâu, nếu không đổi lỗi, thì lập tức phải chịu tội đó. Còn tên Thụy-Long thì cho thác sinh lên làm người, nhưng vì lúc ở đời làm ác, vậy đánh cho mười roi để trừng giới. Còn tên Trường-Nho thì bắt bỏ ngục chịu tội mười năm. Vua tra hỏi xong, rồi sai

hai người đưa tôi về thì tỉnh dậy. Tu-Cát vội vàng sai người làm cơm canh, cô bàn và mua tiền giấy đem đốt để cúng tiền. Từ hôm ấy giờ về sau, hai đứa quỉ ấy tuyệt-nhiên không thấy đến nữa, mà bệnh người con gái ấy thật khỏi hết cả, sau đi lấy chồng, đến năm hai mươi một tuổi thì chết.

« Lãng-tu-Cát tự chép rằng: Phàm chép những câu nói về việc kiếp trước và nhân-duyên cùng kết-quả nghe đã rõ ràng, nhưng vì những câu nói ấy là cái khổ-tâm của nhà phật, là lời nói để răn đời, cho nên sách nho không chép. Ngờ đâu ngày nay hiện ra ngay ở thân mình, tai nghe tiếng đích, mắt trông thấy đích, không phải sa sôi gì, nào những sự-lý và những họ tên, đều có đối xứng cả, dầu muốn không tin cũng không thể được, cho nên không giám dấu, vậy chép một bài sự thực như sau này: Người con gái tôi trong năm Ất-vị phát bệnh từ ngày 25 tháng năm đến ngày 13 tháng sáu, tính tất cả 18 ngày, cơm không ăn, mắt không ngủ, lúc nằm ngất đi, thì nằm ngay như người chết, đến lúc tỉnh dậy, lại ở yên như ngày thường, từ trước đến sau, không có một câu nào là nói mơ-hồ, những câu nói trong lúc u minh cảnh-sách rất nhiều, không thể chép hết được. Nhân nghĩ đến người đời hoặc có người tự cậy có thể-vị có tài lực, sinh ra làm sự bất lương, có biết đâu hiện đời nay chưa thấy ác báo tất đời sau phải chịu, bởi vì cái oan-nghiệp xuống dưới cửu toàn, nó còn có hàm-oan, ần-độc, nó chỉ chăm chăm báo oán cho được cam tâm, vậy biên rõ cả họ tên, kể rõ cả những việc làm, không thể sao che đây chốn tránh được, thực là đáng sợ lắm. Vì thế, nhân đem sự thể từ trước đến sau, chép rõ vào đây, để răn người đời, thực không dám thêm đặt một chữ nào, để mắc vào tội vọng-ngữ ».

(Vọng ngữ 妄語. Nghĩa là : nói càn, nói rối, nói không thực; là một điều cấm trong ngũ-giới).

第五級

ĐỆ NGŨ CẤP

宜知三寶之不可思議

Nghĩ chi tam bảo chi bất khả tư nghị

BẬC THỨ NĂM

NÊN BIẾT TAM-BẢO KHÔNG THỀ BỤNG NGHĨ MIỆNG BÀN ĐƯỢC

Người khách hỏi : Những việc quỷ thần và địa-ngục, Diêm-vương, luân-hồi, nhân-quả, tôi đã biết đích là có sự thực rồi, vậy nay xin hỏi về Phật-pháp thế nào, thử nói đại lược cho tôi nghe.

Định-tử đáp : Phật-pháp rất rộng lớn, lẽ rất huyền diệu, sự rất ly kỳ, không thể lấy bụng nghĩ và nói bàn suốt được, cũng không thể nói mấy câu mà hay thuật được cái nghĩa đại lược và hết được cái lẽ cao sâu. Kia xem ông Phổ-đà-ẩn-quang-pháp-sư có nói rằng: khi trước đức Phật Đại-giác-thế-tôn Thích-già-Mâu-ni ta tự bỏ lòng trần tục, sớm nên bậc Chính-giác, tế-độ cho các chúng sinh, mà thường thường thuyết pháp, thường thường hiện diệt. Vả cứ xem khi ngài xuất thế, thì vào năm Giáp-dần thuộc về năm thứ 24 đời vua Chiêu-vương nhà Chu, sinh ra ở thành Già-tỳ-la-Vệ nước Trung-thiên-trúc (là một nước nhỏ ở về phía bắc nước Ấn-độ). cha là Tĩnh-phạn-vương (làm vua xứ ấy), mẹ là Ma-Gia phu-nhân, ngày mồng 8 tháng 4, bà mẹ vào chơi vườn Lam-tỳ-ni. trông thấy hoa cây vô-ưu nở nhiều, bèn giơ cánh tay phải vin cành hái hoa, đức Phật Thế-tôn lập tức ở trong nách bên tay phải đản sinh ra. Ngay lúc mới sinh ra, một tay chỏ lên trời, một tay chỏ xuống đất, nhìn bốn phương trời, quanh đi 7 bước, rồi nói một câu rằng: «**天上天下唯我獨尊**» = (thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn). Nghĩa là : trên trời dưới đất, duy ta là tôn. Đến năm 19 tuổi, đương lúc nửa đêm hôm mồng 8 tháng 2, cưỡi con ngựa yêu tên là kiền-trắc, vượt qua thành mà đi, thẳng đến chỗ rừng núi, tu hành đạo xuất-thế. Chửa được bao lâu, lại bảo các ngoại đạo kia đều không phải là chính pháp, bấy giờ lại đi du lịch năm

năm, học khắp cả các đạo tiên-nhân, mỗi ngày chỉ ăn một hột vàng, một hột gạo, khổ hạnh sáu năm trời, sau mới đi ngồi tĩnh mịch một mình mà ngẫm nghĩ cho thấu lẽ đạo, đến đêm hôm mồng tám tháng chạp, lúc sao Mai mọc, mở mắt trông, bấy giờ trong lòng mới khoát nhiên đại ngộ, liền than một câu rằng : « Lạ thay! lạ thay ! tất cả các chúng sinh đều có đủ cả trí tuệ đức-tướng như Như-lai này, bởi vì cứ đem lòng vọng-tưởng, cho nên không chứng biết được đó thôi, nếu rất bỏ được cái lòng vọng-tưởng ấy đi, thì nhất-thiết-trí (cần tu tinh tiến, biết hết tất cả mọi phép, tức là Phật-trí), tự-nhiên-trí (tự trừng, tự biết, không mượn dụng công, tức là Phật-trí), vô-sư-trí (tức là trí Phật, không phải theo thầy mà tự biết được), tức hiển hiện ngay ra trước mặt ». Vậy ta nên biết đức Thế-tôn khi xuất gia du lịch, tu hành, ngộ đạo, đều là làm ra một cái khuôn phép để cho những người tu hành đời sau lấy làm gương mà bắt chước đó, chứ không phải là khi trước thực chưa biết đạo mà đến nay mới biết đạo đâu. (Việc đó thuộc về năm Qui-vị thứ ba đời vua Mục-vương).

Từ bấy giờ về sau, ngài bèn tùy thuận cơ nghi, độ thoát các chúng sinh, thuyết pháp 49 năm, giảng kinh hơn 300 hội, xem cơ mà mở dạy, khiến cho ai ai cũng đều được ích cả. Đến ngày dăm tháng hai năm Nhâm-thân thuộc về năm thứ 52 đời vua Mục-vương, Ngài thấy tất cả các chúng-sinh ai đã tinh-tiến thì đều chứng biết được đạo-quả, mà ai chưa tinh tiến thì cũng đã đều làm được độ thoát nhân-duyên, một kỳ công việc xong rồi, lại bảo phép nhập-nát-bàn (Phật tịch diệt). Lấy cái pháp-thân của đức Phật sinh ra cao một trượng sáu thước, làm cái xá-lỵ (hài-cột-phật) tám học (khi Phật tịch diệt hóa thân lửa cháy ra gio được tám học bốn đầu) như ngọc kim-cương chẳng nát. Tan ra khắp cả trên giới, khoảng người, đâu đâu cũng dựng tháp để cúng dàng. Khiến cho các chúng-sinh cùng dựng lên một cái gốc thiện.

Đến đời vua Minh-đế nhà Hán, năm Vĩnh-bình thứ bảy, vua nằm chiêm bao thấy một người vàng trên chân có ánh sáng tròn tròn, bay đến trước sân rồng. Đến buổi sáng. Vua hỏi các

quan rằng : Đó là cái điềm gì ? Quan Thái-sử tên là Phó-Nghị tâu rằng : Nước Tây-vực có thần gọi là Phật. Nay Bệ-hạ năm chiêm bao thấy thế, hẳn là việc Phật đó chẳng ? Vua lập tức sai quan Bác-sĩ là Vương-Tuân, quan Trung-lang-tướng Tần-cảnh, quan Lang-trung Thái-Am, tất cả 18 người đi cầu Phật-pháp. Đi đến nước Nguyệt-tri, gặp một ông Già-diệp-ma-đăng và ông Trúc-pháp-lan mang tượng và kinh nhà Phật, đi khai hóa phương ấy. Bèn mời hai ông ấy cùng về. Đến năm thứ mười mới về đến đất Lạc-dương, vào chợ ở chùa Hồng-lô, sau dựng một tòa Già-lam, nhân lấy cái cớ ngựa trắng chở kinh vào chợ chùa Hồng-lô, mới đặt tên là chùa Bạch-mã. Bấy giờ vua hỏi ông Ma-đăng rằng : Đức Phật Đại-giác-thế-tôn cớ sao không sinh ở trung-quốc ? Ông Ma-đăng đáp : Nước Già-tỳ-la chính là ở giữa cõi Đại-thiên-thế-giới. Tam-thế chư Phật, đều sinh ở đấy cả. Còn như các nước ở ngoài biên-phương, hoặc vài trăm năm, hoặc hơn nghìn năm, thanh giáo dần dần lan khắp cả. Chứ đất này chính thuộc về phương đông, tự xưng là Trung-quốc đó thôi. Bấy giờ các người Đạo-sĩ thấy vua tôn trọng Phật-pháp, mới sinh lòng ghen ghét; đến ngày mồng một tháng riêng năm thứ 14, bèn làm tờ biểu tâu vua xin cho thi đạo. Vua bằng lòng cho. Đến ngày rằm tháng riêng, bèn sai dựng một cái đền ở ngoài cửa nam chùa Bạch-mã, sắp kinh vào đấy, rồi lấy lửa đốt để thi nghiệm. Bao nhiêu Đạo kinh tức thì cháy hết, còn các kinh Phật với tượng Phật thì đều sáng rực rỡ mà không cháy, ông Ma-đăng nhảy ra chỗ hư không mà biến hiện như thần. Ngay lúc bấy giờ các quan cùng là sĩ-thứ và các Đạo-sĩ-phi-tàn tất cả hơn một nghìn người theo đi xuất gia tu đạo. Vua tức sai làm mười cái chùa, bảy cái cho Tăng ở, ba cái cho Ni ở, nhưng khi ấy phương đông phương tây cũng chưa được đại-thông, đi lại còn ít, Phật-pháp lưu bố, chỉ ở phương bắc mà thôi.

Đời tam-quốc có ông Khang-tăng-Hội, mới đem khai hóa ra được đến đất Ngô.

Đến đời nhà Tấn mới lan khắp cả toàn quốc. Rồi lưu-bố đến nước Cao-ly, Nhật-bản, Xiêm-la, Annam, Diên-điện, Mông-cổ.

Xem thế thì Phật-pháp bắt đầu mở mang, tự đời nhà Hán, mở rộng ra tự đời nhà Tấn.

Đến đời nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương, nhà Trần, nhà Tùy, thì đạo Phật mỗi ngày một thịnh.

Đến đời nhà Đường, thì luật-giáo, thiền-tĩnh, tính tướng các phép đủ cả, không thiếu chút gì.

Đến đời Ngũ-đại, đạo Phật ở phương bắc hơi suy, mà ở phương nam còn thịnh.

Đến đời nhà Tống, thì khi tượng pháp-môn, lại không bằng nhà Đường.

Đời nhà Nguyên lên làm vua, tôn trọng Phật-pháp, chẳng kém gì các đời trước.

Đến triều nhà Minh, các vua vẫn tôn phụng Phật lắm. Duy đến năm Gia-tĩnh tin dùng đạo-giáo, thì trong khoảng hơn 40 năm, pháp-vận hơi kém. Nhưng từ năm Vạn-lich giở về sau, Phật-pháp lại hưng thịnh.

Đến đời nhà Thanh, tôn trọng đạo Phật càng ngày càng thịnh. Vua Thế-tổ Trùng-hoàng-đế, dưới xét thời cơ, trên noi phép Phật, bèn bỏ cái phép thi tăng, khiến cho ai ai cũng được tùy ý xuất gia, hiện tại lúc bấy giờ những người cao-nhân đông như rừng, thực là có ích lắm. Từ năm Kiến-long trở về sau, đạo pháp ngày suy, lại có giặc Phát, giặc Hồi giết hại lũ Tăng, Ni, rồi đốt cháy cả các chùa, bánh xe Pháp hầu gần chuyển đồ. Từ đấy, người hiền ngày ít đi, điển-hình ngày mất đi, những kẻ hư hèn dốt nát không có trốn nương thân, nhân được cái dịp không phải thi Tăng đó, mà lén vào trong vòng đạo pháp, mượn tiếng Phật mà buôn của thế-gian để độ thân. Vì thế cho nên những kẻ kiến thức nông nổi, rối rít dèm chê, đến nỗi có việc đuổi Tăng phá chùa, nhiều sự bất pháp. Tuy vậy, việc đó xảy ra, là bởi kẻ vô tri làm cản, nhưng chẳng qua cũng bởi cái lẽ tăng-giới không có người hay, phép tu hành đều thiếu cả, cho nên không hay lấy phép hóa được người ta mà lại sinh tệ đó thôi.

Kể từ khi đạo-pháp lưu-hành vào trung-quốc, thì các đời Đế Vương, đời nào cũng sùng phụng cả, chỉ có đời vua Ngụy

Thái-vũ, Chu Vũ-đế, Đường Vũ-tôn, ba đời vua Vũ ấy, trước cũng đều tin Phật-pháp cả, sau vua Ngụy-vũ vì nghe bày tội dèm tên là Thôi-Hiệu, vua Chu-vũ nghe bày tội dèm tên là Vệ-nguyên-Tung, vua Đường-vũ tin lời dèm của Lý-đức-Dụ và kẻ Đạo-sĩ là Triệu-qui-Chân, rồi bỏ đạo Phật không theo nữa. Nhưng bỏ đạo chưa được bao lâu, mà vua, tôi đều bị nạn cả, như vua Ngụy-vũ bỏ đạo chưa được sáu năm mà đã bị giết, còn Thôi-hiệu cũng bị giết cả họ; sau vua TỰ-ĐẾ nối ngôi, lại đại hưng đạo Phật. Vua Chu-Vũ bỏ đạo chưa được năm năm mà mình bị cái ác-tật, thối nát khắp cả mình mẩy, rồi chết, mà Nguyên-Tung cũng bị đi đầy chết; sau vua Văn-đế nhà Tùy lên ngôi, lại đại hưng đạo Phật. Còn vua Đường-Vũ thì bỏ đạo chưa được một năm, bị cái ung-thư phát ở lưng mà chết, còn Qui-chân bị giết, Đức-Dụ cũng phải đi đầy chết; sau vua Tuyên-Tôn nối ngôi, lại đại hưng Phật-pháp.

Vua Huy-tôn nhà Tống, trước cũng rất tin Phật-pháp, sau lại tin phép thuật của kẻ đạo-sĩ tên là Lâm-linh-Tổ, mới đổi Phật tượng gọi là Đạo-tướng, mà gọi Phật là Đại-giác-kim-tiên, gọi Tăng là Đức-sĩ, mà mặc cái áo Đạo-sĩ. Phàm khi nào làm pháp-sự, thì phải ngồi dưới người Đạo-sĩ. Vua hạ chiếu thi hành việc đó chưa được bao lâu, thì trong kinh-thành bị nạn nước lụt to lắm, mông mênh như bể. Bấy giờ vua tôi sợ hãi quá, bèn sai Lâm-linh-Tổ đi giữ nước, nhưng càng giữ bao nhiêu thì nước càng đầy lên bấy nhiêu. Một hôm bỗng thấy có ông Tăng-già đại-thánh hiện vào trong linh-cấm. Vua vội vàng đốt hương cầu khẩn. Sau ông Tăng-già trống gậy tầm-xích nhảy lên thành, thì thấy nước tự-nhiên cạn hết. Vua liền ban sắc lại bắt phải theo phép Phật như cũ. Nhưng chưa được bảy năm nữa thì cha con vua Huy-Tôn đều bị giặc Kim nó bắt đi, rồi dâng phong vua Huy-Tôn làm Hôn-đức-hầu, vua Khâm-Tôn là Trùng-hôn-hầu, sau hai vua đều phải chết ở Ngũ-quốc-thành.

Than ôi ! Phật, là Tam-giới-đại-sur, là Tứ-sinh-từ-phụ, là Thánh trong bậc thánh, là trời trong khoảng trời, dạy người ta lấy điều thực, bỏ điều cần, rất bỏ cái hoặc-nghiệp ảo-vọng, giữ lại

lấy cái tâm tính tự nhiên. Vậy ta nên cảm ơn báo đức ngài còn chẳng rồi, chứ sao dám cậy thế lực một thời mà làm che mất cái mắt sáng của các chúng sinh, đào cái hố sâu để làm địa-ngục, mà cứ luân hồi vào kiếp trầm luân mãi mãi. Kìa xem kinh Thư có câu rằng: « 惠廻吉從通凶惟影響 = Huệ địch cát, tòng nghịch hung, duy ảnh hưởng ». Nghĩa là: thuận theo đạo thì được lành, chái đạo thì phải dữ, cứ như cái bóng, như tiếng vang, không sai chút nào. Thế thì đạo phật nói (nhân quả báo ứng), tức cũng như đạo Thánh dậy nhà nho-giáo vậy. Chỉ vì người ta không suy xét kỹ càng, cho nên phần nhiều ám-muội không hiểu rõ đó thôi.

Nay lại đem sự thực về Phật, Pháp, Tăng không thể bụng nghĩ miệng bàn được, mà lược chép như sau này :

佛之不可思議

Phật chỉ bất khả tư nghị

1. — ĐẠO PHẬT KHÔNG THỂ NGHĨ TỚI ĐƯỢC, BÀN SUỐT ĐƯỢC

Ông Tăng-Hiền là người ở Bắc-địa, chịu khổ hạnh, khéo tu hành, chăm tụng kinh, theo đạo phật, thường ở một mình chỗ rừng núi, hoặc vài ngày lại vào một chỗ ngồi nhập định. Đến cuối năm Thái-hưng đời nhà Tấn, ông đi chơi đất Giang-tả, kinh lịch các danh sơn, tu trì cái nghiệp thường của mình. Sau bị bệnh nặng quá, tưởng về Tây-phương, lòng rất khổ thiết. Bỗng thấy đức phật Vô-lượng-Thọ chiếu ánh sáng vào mình. Bấy giờ bệnh liền khỏi ngay. Tối hôm ấy giờ dậy tắm gội sạch sẽ. Nhân nói chuyện sự tinh của mình trông thấy cho những người nhà và các tiểu-hầu đều biết, rồi lại dãi bày những việc nhân-quả để khuyên răn. Đến sáng sớm ngày hôm sau, ông ngồi xếp bằng mà hóa. Trong nhà có khí thơm lạ lùng, ngoại mười ngày mới hết. (Trích ở Cao-tăng-chuyện).

法之不可思議

Pháp chi bất khả tư nghị

2. — ĐẠO PHÁP KHÔNG THỂ NGHĨ TỚI ĐƯỢC, BÀN SUỐT ĐƯỢC

Ông Uông-tĩnh phong-cư-sĩ tên là Khả-Thụ, làm quan Đại-tư-mã, chỉ ăn chay thờ phật. Một hôm, chở thuyền ra chơi ở bến sông. Bấy giờ mặt trời đã gần sế, bỗng thấy một đàn cá ước chừng hàng vạn con cá, đầu đội một cái hòm gỗ nổi lên trên mặt nước. Ông Khả-Thụ khiến người chở thuyền ra vớt lấy để lên trên đầu mũi thuyền. Đêm hôm ấy nằm nghe có tiếng động dấy dậm dịch như là có người trời đến châu. Trong bụng lấy làm lạ quá. Sớm ngày dỡ dậy, sai người cạy mở cái hòm gỗ ấy ra xem, thì thấy có một bộ kinh Kim-cương chữ viết toàn lối chữ chiện cả, tất cả có ba mươi hai quyển, mỗi quyển đều viết một lối chữ chiện. Ông Khả-Thụ lập tức xin đem khắc in, để cho đợc lưu thông khắp cả. Khắc xong, ông lại nghĩ rằng: bộ kinh này là của chốn Long-cung đưa lên. Nhân thế, bèn đốt hương dựng lễ, rồi đem kinh phụng giả dòng sông. Bản in kinh ấy đến nay vẫn còn lưu truyền.

僧之不可思議

Tăng chi bất khả tư nghị

3. — ĐẠO TĂNG KHÔNG THỂ NGHĨ TỚI ĐƯỢC, BÀN SUỐT ĐƯỢC

Ông Pháp-Tường là người ở Đồng-châu, xuất-gia từ thuở bé, đi chu-giu học đạo, chịu đủ phận nghèo, ít lòng tham dục, chỗ ở không nhất định chốn nào. Sau đến trụ-trì ở chùa Đại-hưng-quốc thuộc về Dương-châu, ngoại ba mươi năm trời, lập thân rất là nghiêm kính, thường một mình nằm ngồi riêng một cái phòng lớn, mở toang cả cửa trước cửa sau cho thông ngọn gió mà ngồi, chỉ chăm chăm một việc đọc kinh. Đương lúc đọc kinh, mà có ai hỏi han việc gì, nếu chưa đọc hết quyển,

thì không có nói bao giờ. chỉ muốn lấy an-dưỡng tinh-thần làm mục đích. Sau phải bệnh nặng, các người tiểu đứng hầu xung quanh, nghe thấy Pháp-Tường nói liên thanh rằng : « Kia ! Phật tượng, Phật tượng ». Các tiểu hầu ngảnh lại trông thấy tượng phật hiện hình đứng vách đằng tây, sáng quắc như gương, được phút chốc rồi dần dần biến đi. Bỗng thấy khí thơm bát ngát, lại thấy có chim hạc trắng từ phương tây bay đến, rồi cứ bay liệng xung quanh nóc chùa ba vòng, rồi lại thẳng hướng tây mà bay đi. Độ một lúc thì Pháp-tường chết. (Trích ở trong Cao-tăng-chuyện và Phật-tổ-thống-kỷ).

第 六 級

ĐỆ LỤC CẤP

宜 守 三 歸 五 戒 十 善 六 度

Nghi thủ tam qui, ngũ giới, thập thiện, lục độ

BẬC THỨ SÁU

NÊN GIỮ BA ĐIỀU THEO, NĂM ĐIỀU GIẢN

MƯỜI ĐIỀU THIỆN, SÁU ĐỘ (việc làm)

Người khách hỏi rằng : Đạo Phật, Pháp, Tăng không thể nghĩ tới được, bàn suốt được, tôi đã hơi biết được một hai điều. Nay muốn lại tiến lên một bước nữa, thì nên như thế nào ?

Ông Đình-tử đáp : phải nên qui y Tam-bảo, nên giữ năm điều răn, nên theo mười điều thiện, nên làm sáu độ. Nay ông Phổ-đà-ẩn-quang-pháp-xu có chép một bài nói lược về nghĩa tam-qui, ngũ-giới, thập-thiện để dạy các đệ-tử tại-gia, rất là thiết yếu, chép ra như sau này :

Thương thay ! những kẻ chúng-sinh từ chốn không có đầu mối mà sinh ra, rồi cứ luân-hồi trong đường sáu đạo (1. — Địa-ngục, là chốn khổ ở dưới đất. 2. — Ngã-qui, là qui đòi thường phải đi tìm ăn, ở lẫn với người mà người không trông thấy. 3. — Xúc-sinh, là giống cầm thú. 4. — A-tu-la, tức là Thần Đại-lực, hay mang lòng tức giận, muốn sự đua tranh, chỉ ở chốn

núi sâu, hang tối, mà cùng người cách biệt. 5. — Nhân gian, là loài người ta. 6. — Thiên-thượng, là các chúng-sinh thân có sáng suốt, mà tự-nhiên được vui sướng, nên gọi là trời, cũng có dục-giới, có sắc-giới, có vô-sắc-giới), Luân-chuyển trong bốn kiếp sinh (1. — Thai-sinh, như loài người ở trong thai mẹ thành hình rồi sinh ra. 2. — Noãn-sinh, như loài chim ở trong vỏ trứng thành hình rồi sinh ra. 3. — Thấp-sinh, như loài sâu bọ theo khí hàn-nhiệt mà thành hình. 4. — Hóa-sinh, như các trời và địa-ngục cùng là các chúng-sinh kiếp-sơ), không có ai cứu vớt, không biết theo vào đâu, không có chốn nương nhờ, khác nào như người con mồ-côi mất cha, người cùng-khổ mất nhà. Đó là bởi cái ác nghiệp phiền não kết thành cái khổ quả sinh tử, cho nên con mắt mờ mịt, không biết đường lối nào mà ra thoát được Đức Phật Đại-giác-Thế-tôn ngài có lòng thương vì, làm ra thuyết-pháp để trở bảo thế-gian, khiến cho biết ba đường theo, để làm cái gốc bỏ đường cong, theo đường ngay. Dạy dữ năm điều răn, để làm cái nguồn bỏ ác làm thiện. Dạy làm mười điều thiện, để làm cái căn-bản cho được thanh-tĩnh ba nghiệp (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp). Từ đấy trở đi, không làm những việc ác, chỉ làm các việc thiện; Nếu ba nghiệp đã thanh-tĩnh, rồi sau mới có thể tuân tu đạo phẩm, khiến cho biết bỏ chốn bụi trần, bước lên cửa giác, chuyển đổi thói phàm, làm thành bậc Thánh, cắt bỏ hết cái gốc rễ phiền não tham, sân, si (tham muốn, tức cặn, ngu si, gọi là tam độc 三毒), làm nên một bậc đại-đạo bồ-đề (thông giác) giới, định, tuệ (giới : là giới-luật, để cấm giữ những điều ác. Định : là thiền-định, để tĩnh tâm không tán loạn. Tuệ : là trí-tuệ, biết phá bỏ điều ác, chứng biết lẽ thực. Tức gọi là ba phép học 三學). Bởi thế cho nên ngài thuyết pháp ra các pháp-môn, như là : tứ đế (四諦 : 苦諦 集諦 滅諦 道諦 = khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế), mười hai nhân duyên (十二因緣 : 無明 行 識 名色 六處 觸 受 愛 取 有生老死 = thập nhị nhân duyên : vô minh, hành, thức, danh sắc, lục xử, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử), sáu độ (六度 布施 持戒 忍辱 精進 禪定 般若 = lục độ : bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, bát nhã), ba

mười bảy trợ-đạo-phẩm 三十七助道品 四念處 四正勤 四如意足 五根 五力 七覺支 八正道 = tam thập thất trợ đạo phẩm: tứ niệm sở, tứ chính cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chính đạo). Ngài lại muốn cho chúng thoát khỏi vòng sống chết mà được thành đạo phật, cho nên ngài lại nói đến các pháp-môn niệm phật đề cầu sinh tỉnh độ.

Thân ôi! cái ơn của đức Thế-Tôn, thật là rất to lớn, rầu công cha mẹ cũng không đủ vi, dẫu ơn trời đất cũng không đủ so được. Bất-tuệ này (tức là ông Phổ-Đà khiêm từ, tự xưng) được chịu ơn đức phật rất sâu, rầu muốn báo ơn cũng không thể sao mà báo cho siết được. Nay các người nhằm nghe lời người ta nói, chẳng ngại đường xa vài nghìn dặm mà lại đây, muốn lấy ta làm thầy. Nhưng ta tự lượng xét mình ta là người không có đức, cho nên ba, bốn lần cố từ chối, nhưng các người cứ không bằng lòng. Vậy nay ta bất-đắc-gi, phải đem cái ý kiến của đức Như-lai ra đời thuyết-pháp độ-sinh, mà nói qua cho các người nghe. Lại chú thích cả cái nghĩa tam-qui, ngũ-giới, thập-thiện và tỉnh-độ pháp-môn, để cho các người tuân theo. Còn như từ tứ-đế cho đến tam-thập-thất trợ-đạo-phẩm, thì trí lực các người chưa có thể biết được, cho nên lược mà không chép. Nếu các người cứ tuân theo đạo dạy mà phụng hành, thì tức là lấy đức phật làm thầy chứ việc chi đến Bất-tuệ này; nếu không tuân theo đạo dạy mà phụng hành, thì còn phụ cả cái ơn Bất-tuệ này, huống chi là ơn đức phật.

三 歸

(Tam qui là ba điều theo)

1. QUI Y PHẬT. 2. QUI Y PHÁP. 3. QUI Y TĂNG

Qui : nghĩa là qui-đầu, Y : nghĩa là y-thác. Thí-dụ : Người ta sa xuống bể, chợt có cái thuyền chở lại thì bèn su-hướng ngay, ấy là nghĩa chữ qui-đầu. Lên trên thuyền ngồi yên, ấy là nghĩa chữ y-thác. Cõi sống, chết tức là bể, tòa tam-bảo tức là thuyền, các chúng sinh biết qui y tức là lên đến bến.

Các chúng sinh đã qui y phật, thì phải lấy phật làm thầy, từ nay cho đến lúc chết, không được qui-y thiên-ma ngoại-

đạo, tà-quỉ, tà-thần. Đã qui y pháp (kinh phật và các thứ pháp-môn tu hành), thì phải lấy pháp làm thầy, từ nay cho đến lúc chết không được qui y ngoại đạo điền-tịch (sách vở). Đã qui y Tăng, thì lấy Tăng làm thầy, từ nay cho đến lúc chết không được qui y các đồ-chúng ngoại-đạo.

五 戒

(Ngũ giới là năm điều răn cấm)

1. KHÔNG SÁT SINH. 2. KHÔNG TRỘM CƯỚP. 3. KHÔNG DAN-ĐÂM
4. KHÔNG NÓI RỐI. 5. KHÔNG UỐNG RƯỢU

1. Yêu sự sống, ghét sự chết, lòng người ta và các loài vật cùng thể cả ta còn muốn sống. loài vật há muốn chết ư? Cứ nghĩ như thế thì không nên sát sinh. Các chúng sinh luân hồi trong sáu đường, cứ tùy việc thiện, ác mà thăng giáng, siêu-trầm, ta với các loài vật ở kiếp trước hoặc ở kiếp sau thường lẫn lộn làm cha mẹ, thường thay đổi làm con cái, vậy phải nên đem lòng cứu vớt, chứ sao nỡ giết lẫn nhau. Các chúng sinh đều có tính phật, nếu tu hành được thì đời sau đều nên thành phật cả. Nếu ta có bị sa lạc, cũng còn mong cứu vớt, hướng chi loài vật. Vả nếu đã làm việc ác nghiệp, thì kiếp sau tất phải sa vào đường ác đạo, để đền cái nợ cũ ở kiếp trước, thì lại bị người ta giết báo thù, chứ không bao giờ tránh khỏi được. Cứ nghĩ như thế thì còn dám sát sinh nữa chăng? Nhưng cái căn gio sát sinh, là bởi ở bụng muốn ăn thịt mà sinh ra. Nếu đã biết các nhân duyên đã nói như trên, thì tự mình không dám ăn thịt nữa. Kia những người ngu bảo ăn thịt là ngon, nhưng không biết thịt là những tinh huyết làm thành ra, trong chứa tinh tủy, ngoài lẫn dơ uế, tanh hôi bẩn thỉu, có ngon gì đâu. Nếu ai đã biết thịt là chất bất tịnh (không sạch) như thế, thì đâu có ăn vào chẳng nữa, tức lại nôn ọe ra ngay.

Vả lại sinh vật là chỗ vào loài người ta và các loài cầm, thú, sâu bọ, tôm, cá, vùn vùn... phàm có sinh-mệnh đều là sinh vật cả, chớ nên bảo rằng loài lớn thì không nên giết mà loài nhỏ thì nên giết đâu.

Trong kinh nhà Phật nói việc giới-sát phông-sinh công đức lợi ích nhiều, các tục-nhân không thể đọc được, nên xem sách Vạn-thiện-tiên-tư của ông Chu-an-Sĩ, thì cũng có thể biết đại khái được.

2. — Không trộm cướp. Nghĩa là : mắt trông thấy của, bụng phải nghĩ nghĩa, nếu không cho thì không dám lấy. Người nào biết liêm sỉ thì không phạm vào việc ấy. Nhưng bàn xét cho cùng, nếu không phải là bậc Đại-thánh, Đại-hiền thì cũng khó tránh khỏi được. Là cứ làm sao ? Bởi vì có nhiều sự thuộc về trộm cắp, như là : lấy việc công mà dúp việc riêng. Làm hại người, lấy ích mình, cậy thế ức hiếp người lấy của. Dùng mẹo lừa người. Ghen ghét người giàu sang. Mong cho người nghèo hèn. Giả danh làm việc thiện, nhưng lòng không thực. Như đặt trường nghĩa học, mà không trọn ông thầy nghiêm để làm hư hại con em người ta. Làm thuốc chữa bệnh không biện chứng thực hay giả, để làm hại tính mệnh người ta. Trông thấy những việc hoạn nạn khó khăn, không cấp cứu ngay, dùng dằng lơ lửng, để đến nỗi ngộ sự của người ta. Dúp ai việc gì chỉ làm qua loa tắc trách cho xong việc, để tổn hại tiền của người ta. Trong lòng chẳng biết cái gì là khẩn-yếu. Những việc như thế, đều gọi là trộm cắp cả. Nay vì các người ở nhà thiện-đường, vậy ta nói qua điều lợi, điều hại cho các người đều biết.

3. — Không dan-dâm. Nghĩa là : phép phạt từ chỗ nông rồi mới đến chỗ sâu, cho nên đối với những người tại-gia có vợ có chồng mà làm sự dâm dục, thì cũng không có cấm, nhưng cái lẽ vợ chồng cũng phải nên kính nhau như người khách, người bạn, không nên theo lòng dâm dục mà vui sướng quá, để đến nỗi vong thân, tuy là vợ mình thật, mà nếu tham vui quá độ cũng là phạm tội, nhưng tội còn nhẹ ; nếu không phải vợ mình mà cầu hợp giao thông với nhau, tức là dan-dâm đó, thì phạm tội rất nặng. Người nào làm sự dan-dâm, ấy là loài người mà làm việc loài cầm thú súc sinh, người ấy đến lúc chết trước phải vào địa-ngục hoặc phải làm ngã-qui, sau lại phải làm giống súc-sinh, nghìn kiếp, muôn kiếp, không thể sao thoát khỏi được.

Các chúng-sinh đều bởi đường dâm dục sinh ra, hay có lòng dâm dục, cho nên việc ấy khó giữ mà dễ phạm, có người hiền-đạt, cũng nhờ khi mắc phải, phương chi những người ngu. Nếu muốn lập trí tu-trì, trước hết phải nên biết rõ điều lợi (là phần lợi về sự không phạm dâm) và điều hại (là họa hại về sự phạm dâm), cùng là cái phương-pháp để đối trị, thì coi sự dâm dâm như con rắn độc, như đũa giặc thù, trong bụng lấy làm sợ hãi, thời cái bụng dục tự nhiên tắt ngay đi được.

Cái phương-pháp đối-trị, ở trong kinh nhà Phật chép rộng lắm, các tục-nhân không xem xiết được, nên xem sách Dục-hải-hồi-cường của ông Chu-an-Sĩ, thì cũng có thể biết đại-khai được.

4. — Không nói rồi. Nghĩa là : lời nói tin thực, không nói rồi người. Thi dụ : có biết mà nói rằng không biết, không biết mà nói rằng có biết, không nói làm có, có nói làm không, trong bụng với ngoài miệng không hợp nhau, chỉ chăm chăm lừa rồi người, ấy là nói rồi. Tức gọi là vọng-ngữ. Lại như mình chữa bỏ hết được sự nhầm lẫn, mà tự bảo rằng đã bỏ hết, mình chữa đắc-đạo, mà tự bảo rằng đã đắc-đạo, ấy là nói rồi quá lắm. Tức gọi là đại-vọng-ngữ. Người nói rồi ấy phải tội rất nặng, sau đến lúc chết, quyết phải sa vào đường địa-ngục a-tì, không biết bao giờ ra thoát được. Nay những người tu-hành không biết cái giáo-lý của Phật-pháp, mà cũng tự nhận làm đắc-đạo, đều là nói rồi và đều phải tội như thế cả. Phải nên thiết giới.

Từ đây trở lên nói bốn việc (sát-sinh, thâu-đạo, tà-dâm, vọng-ngữ), không cứ người xuất-gia hay là người tại-gia, người thụ-giới hay là người không thụ-giới, hễ ai phạm phải đều có tội cả; vì thể-tính rất ác. Nhưng người không thụ-giới mà phạm phải, thì phải tội có một từng; còn người đã thụ-giới mà phạm phải, thì phải tội hai từng; vì đã phải tội làm việc ác, lại thêm một tội phạm giới nữa. Nếu tu-trì mà không phạm phải những việc ấy, thì công-đức to lắm không biết ngần nào mà kể được. Vậy nên gắng sức tu-trì, nên hết lòng rắn chắc.

5. — Không uống rượu. Nghĩa là : rượu, hay làm cho người ta mê loạn tinh thần, mất cả trí khôn. Người ta uống vào sinh ra

điên đảo, hôn cuồng, làm càn, làm bậy, cho nên phép Phật cấm không cho uống rượu. Phạm người đã tu-hành, đều không nên uống và không nên ăn những thứ rau có chất hôi và cay như là hành, hẹ, tỏi, v.v., vì các thứ rau ấy khi vị cay hôi, thể chất nó không tinh sạch, nếu người ta đem ăn sống thì hay sinh lòng tức giận, đem nấu chín mà ăn thì hay sinh lòng dâm dục, cho nên những người tu-hành đều không nên ăn.

Nhưng một việc này, những người không thụ-giới, thì rượu uống, ăn các thứ rau, đều không phải tội. Còn người đã thụ-giới mà lại ăn uống các thứ ấy, tức là phạm giới-luật của nhà Phật đã đặt ra để răn cấm, thì đều phải tội cả.

十 善

(Thập thiện là mười điều thiện)

1. KHÔNG SÁT-SINH. 2. KHÔNG TRỘM CƯỚP. 3. KHÔNG GIAN GIÂM. 4. KHÔNG NÓI RỐI. 5. KHÔNG NÓI NGOA (XẢO-NINH). 6. KHÔNG NÓI HẠI LƯỜI (lưỡng thiệt). 7. KHÔNG NÓI ĐỘC-ÁC. 8. KHÔNG THAM TIẾC. 9. KHÔNG TỨC GIẬN. 10. KHÔNG CÓ Ý-KIỆN BẤT CHÍNH (tà-kiến).

Trong mười điều thiện này, ba điều trước là thuộc về thân-nghiệp (身業). Bốn điều giữa là thuộc về khẩu-nghiệp (口業). Ba điều sau là thuộc về ý-nghiệp (意業).

Chữ nghiệp (業). Nghĩa là việc. Nếu tu-trì mà không phạm phải những việc ấy, tức làm mười điều thiện. Nếu phạm vào những việc ấy mà không tu được, tức làm mười điều ác.

Trong mười việc ác ấy chia ra làm ba bậc : bậc trên, bậc giữa, bậc dưới. Ai làm mười việc ác, thì phải tội đầy vào ba đường ác đạo là : Địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh. Mười việc thiện cũng chia ra làm ba bậc : bậc trên, bậc giữa, bậc dưới. Ai làm mười việc thiện, thì được lên ba đường thiện đạo là : người, trời, a-tu-la, tức là thần-đại-lực. Nghĩa là làm thiện-nhân thì được thiện-quả, làm ác-nhân thì được ác-quả, cái lẽ ấy quyết nhiên nhất định không sai chút nào.

Việc sát sinh, trộm cướp, dan-dâm, nói dối, bốn việc ấy đã nói ở trong bài ngũ giới, còn sáu việc nữa, giải thích ra sau này :

5. Nói ngoa. Nghĩa là : những câu nói khéo, nói màu mè, không có ích gì, hoặc nói những lời dâm dục, khiến cho người ta động lòng tà gian.

6. -- Hai lưỡi. Nghĩa là : Đến chỗ này nói thế kia; đến chỗ kia lại nói thế khác, khiêu khích thị phi, giục bên bị, sui bên nguyên, đâm bị thóc, trọc bị gạo, dường như cái đòn sóc hai đầu.

7. -- Nói ác. Nghĩa là : miệng nói ra những câu độc ác, như đâm, như chém. kể hết những sự ần ác của người, không có hủy kỵ gì cả. Vả lại làm đau đớn đến cha mẹ người ta nữa. Tức gọi là đại-ác-khẩu.

8. Tham tiếc. Nghĩa là : không chịu xuất của mình làm ơn hoặc bố thí cho người, ấy gọi là tiếc hay là người bần. muốn lấy của người làm của mình, ấy gọi là tham.

9. -- Tức giận. Nghĩa là : thấy người ta được sự gì hay thì mình lấy làm buồn rầu tức tối, thấy người ta phải sự gì lầm lỗi, hoặc thất bại, thì mình lấy làm vui vẻ sung sướng. Hoặc mình cậy khi lực, cậy quyền thế, hoành hành ngạo ngược, lừa dối, ức hiếp người ta.

10. -- Ý-kiến bất chính. Nghĩa là : Cứ ý-kiến mình không tin những sự làm thiện được phúc, làm ác phải tội, tự bảo là không có nhân quả, không có kiếp sau, khinh bỉ những lời nói của thánh hiền, phá hủy kinh giáo của nhà Phật.

Đó là mười việc ác, biết sửa đổi đi mà không làm, tức là mười việc thiện. Nếu hay tuân hành mười việc thiện ấy, thì sáu việc ác nào cũng bỏ hết được, mà việc thiện nào cũng tu được.

Nay ta sợ các người không thể xét hết được, vậy nói qua một hai cách tu thiện như sau này :

Ở trong nhà, đối với cha mẹ, phải cho hiếu thuận, chớ có trái lễ, chớ có trái ý cha mẹ, phải ủy khúc, uyển-truyền mà khuyên theo đạo phật, khuyên cha mẹ ăn chay, trì giới, phát

lòng từ bi, rộng làm sáu độ, và tụng kinh niệm Phật, cầu cho thoát vòng sinh tử, mà được siêu sinh về mái tây phương. Nếu cha mẹ có lòng tin theo, thì cái sự thiện ấy to lắm, chẳng còn sự gì hơn nữa. Nếu quyết trí không tin theo, cũng đừng cưỡng bách, để mất đạo hiếu, chỉ nên đối Phật tiền thay cha mẹ mà sám-hối tội lỗi mà thôi.

Đối với anh em, thì hết lòng hòa thuận. Đối với vợ chồng thì hết lòng kính mến. Đối với con cháu thì phải hết sức dạy bảo cho được nên người lương thiện, cần nhất là chớ để phóng túng cho nó đông dài lười biếng, chơi bời tự do, rồi thành ra trộm giặc.

Đối với người trong làng và hàng xóm láng giềng, phải nên hòa thuận, nhường nhịn, lại nên thường thường diễn thuyết cái lẽ nhân quả thiện ác, khiến cho ai ai cũng đều biết đổi lỗi mà làm thiện.

Đối với bè bạn thì phải giữ lòng tin thực. Đối với kẻ đầy tớ, thì phải hết lòng thương yêu.

Đối với việc công, thì phải hết lòng hết sức mà làm, cũng coi như việc riêng của mình vậy.

Phàm khi nào thấy những người quen biết, gặp người bậc cha thì nói truyện nhân từ, gặp người hàng con thì nói truyện hiếu nghĩa.

Còn như muốn làm việc buôn bán sinh nhai, thì nên xuất vốn lấy lời, nhưng cần phải thật thà, chớ đem của giả mà lừa dối người ta,

Các người biết tuân tu như vậy, thì cái sự biến loạn, họa hại không bởi đâu mà xảy ra được, mà việc hình phạt cũng không khi nào phải dùng đến nữa. Ấy tức là ở trốn thôn-giã mà tỏ hết được bụng trung thành, ở nhà mà làm được chính sự vậy.

(Ông Phổ-đà ấn-quang pháp-sư nói đến đây thôi.

六 度

(Lục độ là sáu việc làm)

1. BỐ-THÍ. 2. TRI-GIỚI. 3. NHÂN-NHỤC. 4. TỈNH-TIẾN
5. THIỀN-ĐỊNH 6. BÁT-NHÃ

Bố thí(布施). Nghĩa là : có lòng từ bi làm ơn cho người. Đem của mình chia ra cho người, gọi là bố. Mình có lòng làm ơn cho người, gọi là thí.

Xem trong sách Tri-độ-luân có chép rằng : Bố-thí có ba thứ : 1. Tài thí (財 施). 2. Pháp-thí (法 施). 3. Vô-úy-thí (無 畏 施) Tài thí. Nghĩa là tri giới để giữ mình, không xâm phạm đến tài vật của các chúng sinh và lại lấy của mình mà cho người. Pháp-thí. Nghĩa là thường thường thuyết-pháp để mở mang cho người ta đều tỉnh ngộ. Các chúng sinh đều sợ chết, mình tri-giới không có lòng sát hại các chúng sinh ; ấy gọi là Vô-úy-thí.

Lại xem trong Vị-tăng-hữu-kinh có chép rằng : Bố thí cho người ta ăn uống thì chỉ cứu giúp được cái mệnh trong một ngày. Bố thí cho người ta tiền của châu báu, thì cũng chỉ cứu giúp được cái sự cùng thiếu một đời mà thôi ; nhưng lại thêm sự trôi buộc. Nếu thuyết-pháp dạy bảo cho người ta tỉnh ngộ ra được, thời có thể khiến cho các chúng sinh thoát khỏi đường thế-dan ; ấy gọi là pháp-thí.

2. Tri-giới(持 戒). Nghĩa là : mình chịu giữ cái giới-luật của nhà phật mà không phạm phải.

Xem trong Phật-báo-ân-kinh có chép rằng : Giới luật có ba bậc : bậc thượng, bậc trung, bậc hạ. Như ngũ-giới ấy là bậc hạ. Thập-giới ấy là bậc trung. Cụ-giới ấy là bậc thượng.

Ngũ-giới thời đã nói ở trên, nên đây không nói nữa.

Thập giới là : 1. Không sát hại. 2. Không ăn trộm. 3. Không dan-dâm. 4. Không nói dối. 5. Không uống rượu. 6. Không nói điều tội lỗi người ta. 7. Không dèm chê người. 8. Không tham tiếc, bần thủ. 9. Không tức giận. 10. Không dèm chê Tam-bảo. Đó là chép ở trong Phạm-võng-kinh ; tức gọi là Bồ-tát-giới.

Cụ-giới cũng gọi là Cụ-túc-giới, tức là hai trăm năm mươi giới của các bậc Tỷ-khâu và năm trăm giới của các bậc Tỷ-khâu-ny. Nếu không phải là các thầy Tăng, Ny xuất-gia, thì cũng không cần nghiên cứu lắm.

Xem trong Kinh Đại-tạng nhất-lãm có nói rằng: Giới: tức là thầy. Chư-phật quá-khứ, nhân đó mà thành đạo. Các vị Bồ-tát hiện tại, cũng lấy đó mà độ sinh. Các hành-nhân vị-lai cũng bởi đó mà giải thoát. Cho nên muốn làm sáu độ, thì phải lấy tri-giới làm cốt-yếu mới được.

3. — Nhân nhục (忍辱): Nghĩa là: quen chịu được những sự đau đớn, nhục nhằn mà chẳng động tâm.

Xem trong Pháp-tập-kinh có chép rằng: Thế nào là cái sức nhẫn nhục của đức phật Bồ-tát? Sức nhẫn nhục của Bồ-tát là: Bị người ta mắng mà không mắng giả; là vì được cái trí-lực bình đẳng như huyễn (如響) (Như-huyễn nghĩa là coi cái tiếng người mắng như là cái tiếng vang động). Bình đẳng 平等 Nghĩa là lòng không phân biệt ra thân yêu hay là oán hận, cùng là cao, thấp, sâu, nông. Trong kinh Ngũ-đăng-hội-nguyên chép rằng: Trời bình đẳng, cho nên che trùm được cả, đất bình đẳng, cho nên mang chở được cả, mặt trời, mặt giăng bình đẳng, cho nên bốn mùa thường sáng, cội nát-bản bình đẳng, cho nên bực thánh, bực người thường không chia làm hai. Lòng người bình đẳng cho nên không phân biệt cao thấp, sâu nông. Bị người ta đánh mà không đánh giả; là vì được cái trí-lực bình-đẳng kính-tượng (鏡像) (Kính-tượng. Nghĩa là: cái hình tượng trong gương, coi sự người ta đánh như cái hình bóng trong gương, trông thấy có mà hóa ra không có). Phải người ta làm phiền não mình, mà mình không làm phiền não người; là vì có cái trí-lực bình đẳng như ảo (如幻). (Như ảo Nghĩa là: coi như không, cho là sự rầu trông thấy, nghe tiếng thực, nhưng không phải thực). Phải người ta dận dối mình mà mình không dận dối người; là vì có cái trí-lực bình đẳng nội-thanh-tĩnh (內清淨) (Nội-thanh-tĩnh Nghĩa là: ở trong lòng rất trong trẻo, yên lặng).

Lại xem trong kinh Tập-a-hàm có nói rằng : Nếu mình có trí lực hơn người, mà lại chịu nhân-nhục với người không bằng mình, ấy là bực thượng-nhân đó.

4. — Tinh tiến 精進 Nghĩa là : cố trí, gắng sức học phép làm điều thiện mà bỏ điều ác.

Xem trong kinh Từ-ân-thượng-sinh-kinh-sớ-hạ có chép rằng : Tinh. Nghĩa là tinh thuần (dặt những điều hay), không có ác-tạp (lẫn lộn điều ác). Tiến. Nghĩa là mỗi ngày tiến lên, không có trễ biếng chút nào.

Lại xem kinh Hoa-nghiêm có chép rằng : Bụng mình tu luyện mà học được phép, tức gọi là tinh. Bụng mình chăm chỉ cố trí gắng sức, cho mỗi ngày một hay lên, tức gọi là tiến.

Lại xem kinh Bồ-tát bản-hạnh chép : Lời đức phật bảo ông A-nan rằng : Cái nết trễ biếng, làm hại cho cả mọi việc. Nếu người tại gia mà trễ biếng, thì áo mặc, cơm ăn, không bao giờ đủ, mà tiền của, cơ nghiệp không bao giờ thịnh. Nếu người xuất gia mà trễ biếng, thì không bao giờ thoát khỏi được cái khổ sống chết. Vậy tất cả các chúng-sinh, đều phải tinh tiến rồi sau mới hưng thịnh được. Như người tại gia mà tinh tiến, thì ăn mặc giàu đủ mà sản nghiệp thịnh nhiều. Người xuất gia mà tinh tiến, thì mới thành đạo, rồi có thể thành phật được.

5. — Thiền định 禪定. Thiền. Nghĩa là ngồi yên lặng nghĩ xét mà tu tập. Định, Nghĩa là trong lòng yên định mà không tán loạn.

Sách Đốn-ngộ-nhập-đạo-yếu-môn-luân-thượng có chép rằng : Không sinh lòng nghĩ càn, ấy là thiền. Yên ngồi như trông thấy bản-tĩnh, ấy là định. Bản-tĩnh tức là trần-tĩnh, trần-tâm, không có sinh lòng nghĩ càn. Định tức là đối cảnh mà không động lòng nghĩ đến, mà râu tám thứ gió (八風 Bát phong là : 1. Lợi 利 : Được lợi. 2. Xuy: 衰 Phải xuy, tức là mất lợi. 3. Hủy 毀 : Chê. 4. Dự 譽 : Khen. 5. Sưng 稱 : Sưng tụng có mặt. 6. Cơ 譏 : Bài bác có mặt. 7. Khổ 苦 : Khổ sở. 8. Lạc 樂 : Vui sướng) cũng không thể lay động tám lòng được. Nếu đã yên định được như thế, thì râu là bực phạm-phu, cũng lên tới cõi Phật được.

Xem trong kinh Lục-độ-tập chép rằng: Có bốn thứ thiền-định: 1. Thường vui ở một mình. 2. Thường vui nhất-tâm. 3. Cầu lấy đạo Thiền và phép thần-thông (tức là dùng làm việc gì cũng không trở-ngại, không ửng-tắc, như thông-lực, tuệ-tĩnh, ngũ-thông, lục-thông, thập-thông). 4. Cầu lấy trí Phật thông-đạt tự tại mà không trở-ngại.

Lại xem kinh Đại-tạng-nhất-lãm-tam chép rằng: Người ta mà tĩnh-lọa một phút trốc, hơn là dựng nhiều Tháp Thất-bảo, bảo-tháp kia song rồi cũng hóa làm trần, mà một lòng tĩnh niệm thì nên chính-giác (thành Phật).

6. — Bát nhã 般若. Dịch nghĩa ra làm trí-tuệ.

Sách Trí-độ-luân chép rằng: Bát-nhã tức là trí-tuệ. Nhất-thiết (gồm kể tất cả) trong các trí-tuệ, thì bát-nhã là bậc thứ nhất.

Xét trong sáu độ này là tổng-thể cho cả muôn nết; Năm-độ trước, gọi là phúc-hạnh, một độ sau, gọi là trí-hạnh. Lấy phúc-hạnh mà giúp nên trí-hạnh theo trí-hạnh mà bỏ hết những điều lầm (lòng mê hoặc), trừng biết được lẽ phải, mới vượt khỏi được cái bể sống chết vậy. Cho nên kinh Bát-nhã có nói rằng: Nếu ta chẳng làm việc bố-thí, thì phải thác-sinh vào nhà bần-tiện, đã bần-tiện, còn có thể lực gì, thời bởi đâu mà tu luyện thành-thực để tới cõi Phật, huống còn mong được nhất-thiết-trí mà thành Phật được ư? Nếu ta không tĩnh-giới, thì phải thác-sinh vào loài ác-thú (ngã-qui, súc-sinh), đã vào ác-thú, vậy không thể được làm thân người hèn hạ, thời bởi đâu mà tu luyện thành-thực, để tới cõi Phật, huống còn mong được nhất-thiết-trí mà thành Phật được ư? Nếu ta không nhẫn-nhục, thì phải thác-sinh ra hình dáng hủ lậu, xấu xí, không được viên-mãn (tròn trặn, đầy đặn) như sắc tướng Bồ-tát, vậy không thể sao tu luyện thành-thực, để lên đến cõi Phật, huống còn mong được nhất-thiết-trí mà thành Phật được ư? Nếu ta không tinh-tiến, thì còn chưa được thắng-đạo 勝道, (là đạo cao thượng) của Bồ-tát, vậy bởi đâu mà tu luyện thành-thực, để cho đến cõi Phật, huống còn mong được nhất-thiết-trí mà thành Phật được ư? Nếu lòng ta rối loạn, không ngồi yên định mà ngâm nghĩ được, thì còn chưa khởi-phát được cái thắng-định 勝定 của Bồ-tát, vậy bởi đâu mà tu luyện thành

thực, để cho đến cõi phật, huống còn mong được nhất-thiết-tri mà thành phật được ư? Nếu ta không có tri, không học được tri-tuệ bát-nhã, thì không được cái tri-tuệ bậc nhất, để vượt qua trốn nhị-thừa (二乘 thanh văn 聲聞, duyên giác 緣覺), vậy bởi đâu mà tu luyện thành thực, để lên Tịnh-độ (淨土 đất phật), còn mong sao được nhất-thiết-tri mà thành phật vậy.

第七級

ĐỆ THẤT CẤP

宜專修淨土

Nghi truyền tu Tịnh-độ

BẬC THỨ BẢY

NÊN TRUYỀN TU TĨNH-ĐỘ

Người khách hỏi: Thế nào gọi là Tịnh-độ?

Định-tử đáp: Trong kinh A-ri-đà có nói rằng: phương tây có mười vạn ức đất phật, có thế-giới, gọi là Cực-lạc. Đất ấy có phật gọi là đức phật A-ri-đà. Đời nay hiện-tại thuyết-pháp.

Lại thuật ở trong kinh Lăng-nghiêm chép rằng: Ta vốn là tu hành đạo phật, chỉ lấy lòng niệm phật cho đến khi không sinh lòng ác mà thành phật; nay ở thế-giới này, ta cũng muốn đem những người có tâm niệm phật về nơi Tịnh-độ. Tịnh-độ tức là chốn Cực-lạc thế-giới của đức phật A-ri-đà vậy.

Người khách hỏi: Thế nào là truyền-tu Tịnh-độ? Và truyền-tu Tịnh-độ có ích lợi gì không?

Ông Định-tử lại thuật kinh A-ri-đà nói rằng: Nếu có người con trai hoặc người con gái mà tin đạo phật, nghe thấy nói chữ A-ri Đà-phật «阿彌陀佛», thì tức nhớ lấy tên hiệu ấy mà niệm phật, nếu niệm mỗi ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, cho đến năm, sáu, bảy ngày, mà cứ nhất tâm không loạn, người ấy đến lúc chết mà lòng vẫn chân thành không điên đảo, thì đức phật A-di-đà cùng là các thánh chúng hiện ngay ra trước mặt

mà tiếp dẫn linh hồn người ấy cho được siêu sinh về nơi Cực-lạc thế-giới (tức là nước phật A-ri-đà).

Cứ xem như thế, thì biết niệm phật mà đến nhất tâm không loạn, tức gọi là truyền tu Tĩnh-độ. Người niệm phật ấy đến lúc chết được siêu sinh về nơi Tĩnh-độ của đức phật A-di-đà, tức là được ích lợi rất to. Vậy nay nhân chép một bài tĩnh-độ vấn-đáp của ông Ấn-quang pháp-sư như sau này :

Câu hỏi : Cái pháp-môn niệm phật, thì người ngu còn hay tu được ; Đến như các phép luật, đạo dạy của nhà phật và thiền-tôn (thiền tức là thiền định, thiền-tôn tức là lấy thiền định làm tôn chủ), thì rầu người trí cũng còn khó hiểu được, có sao lại bảo rằng cái phép niệm phật này lại hơn cả các phép kia ?

Đáp rằng : Muốn biết nghĩa ấy, thời phải nên biết rằng một đẳng sức phật đối với một đẳng sức người, lớn, nhỏ, hơn, kém khác nhau thế nào. thì mới biết rõ ràng, không nghi hoặc nữa.

Này, phật với các chúng-sinh, tâm tính dầu giống nhau, nhưng mà bàn đến cái lực dụng (力用), thì sa cách nhau như trời, với đất. Bởi vì các chúng sinh, thì có nhiều những ác nghiệp phiền não, mà công đức và trí tuệ, thì không thể hiển hiện ra được. Chứ như phật, thì có đủ cả công đức và trí tuệ vô lượng (nhiều lắm không biết ngần nào mà kể), mà ác nghiệp phiền não thì rất bỏ hết sạch không còn có chút nào. Thế là phật đối với các chúng-sinh, một đẳng mê. một đẳng tỉnh khác nhau, cho nên cái lực dụng một đẳng hơn, một đẳng kém, cũng khác nhau xa.

Xem như thế thời các luật giáo thiền-tôn, đều là lấy sức mình để mà cầu cho được thoát khỏi vòng sinh tử, cho nên trải qua cái kiếp dài lâu, mà còn khó thoát khỏi được. Đến như pháp môn niệm phật, là toàn nhờ sức phật và lại kiêm cả sức mình, để mà cầu thoát khỏi vòng sinh tử, cho nên hết một đời này, mà đã hay tới lên cõi phật được.

Lại hỏi rằng : Sức mình và sức phật, là nghĩa thế nào ? xin bảo rõ cho ?

Đáp rằng : cứ theo các luật giáo thiền-tôn (tức là tự lực), thì lúc

bắt đầu phải nên biết rõ đạo-lý và luật giáo của nhà Phật, rồi cứ theo đó mà tu-hành. Đã có công tu luyện lâu ngày, bỏ hết được những cái hoặc-nghiệp, trừng biết được trần-lý, thì mới thoát khỏi vòng sinh-tử được. Nếu tu-hành mà không biết rõ đạo-lý và luật giáo, thì sự tu luyện mập mờ, rồi hóa ra ma, ra đại. Nếu đã biết đạo lý rõ ràng, lại có công tu luyện lâu ngày, ví bằng chưa bỏ hết được hoặc nghiệp, mà trong lòng còn có điều mê hoặc bằng một sợi tơ, sợi tóc, thì chắc vẫn y như cũ, chứ cũng chưa thoát khỏi được cái bể khổ đau. Lại phải tu luyện cho đến khi hoặc-nghiệp sạch lầu, thì bấy giờ mới thoát khỏi vòng sinh-tử được. Nhưng đối với Phật cũng còn cách xa lắm.

Thí dụ : như người thứ-dân, sinh ra mà có trí-tuệ thông minh, đọc sách, làm văn, khó nhọc lâu năm, đến khi học giỏi, thi đỗ, làm quan, trước còn làm quan nhỏ, dần dần làm lên đến Tể-tướng, làm quan đến cực-phẩm thì thôi, không thể lên được nữa. Người ấy đối với hàng các qnan, thì được vào bậc nhất, mà đối với Thái-tử, thì còn như là trời cao đối với vực sâu ; huống chi lại còn đối với vua. Người ấy suốt đời chỉ được làm bày tôi, vâng mệnh vua để dúp trị việc nước mà thôi. Thế nhưng mà cái ngôi quan Tể-tướng ấy, rất là khó lắm, cũng là bởi có tài năng học-vấn mà chịu khó nhọc nửa đời người, mới làm được đến như thế ; huống chi còn những người không có học vấn tài năng, không làm được như thế, kể có hằng trăm, nghìn, vạn, ức người kia.

Xem như thế thì cái học-vấn tài-năng của sức mình ; cũng ví như cái sự biết rõ đạo lý luật giáo mà theo phép dạy tu-hành. Cái sự làm lên đến Tể-tướng ; cũng ví như cái sự tu hành lâu ngày đã giắt bỏ được hoặc-nghiệp mà trừng biết được trần-lý. Cái sự làm Tể-tướng chỉ là bày tôi, chứ không làm được vua ; ví như là cái sự tu hành lâu ngày đâu đã thoát khỏi vòng sinh-tử, nhưng còn chưa được thành phật. Còn như nhiều người không có tài năng, không chịu học hành, không làm được quan Tể-tướng ; cũng ví như là nhiều người không biết tu-hành, không giắt bỏ được hoặc-nghiệp, không thoát khỏi được cái bể sống chết đó thôi.

Đến như pháp môn niệm Phật (tức là Phật-lực và kiêm cả tự lực), là ; nếu không rõ được đạo-lý luật-giáo và cũng chưa hết được hoặc-nghiệp, nhưng chỉ cứ một lòng tin-nguyện, một niệm niệm Phật, khẩn-cầu cho được siêu-sinh về nơi Tịnh-độ, thời đến lúc chết, chắc nhờ có đức Phật tiếp dẫn linh-hồn về mái tây-phương. Khi đã được về tây-phương, được trông thấy Phật, được nghe Phật thuyết-pháp, bấy giờ tỉnh ngộ, trong lòng yên lặng, trừng biết trần lý, mà không sinh lòng ác, thế thì ngay một kiếp này, chắc cũng được lên đến cõi Phật. Thế là bởi cái sức của Phật, lại gồm cả cái sức của mình. Nghĩa là : một lòng tin-nguyện, một lòng niệm Phật, là tự sức mình hay cảm-động đến Phật ; đến khi chết, mà có Phật tiếp dẫn, là sức Phật bào-ứng lại cho ta, cho nên mới được như thế vậy.

Nếu lại rõ biết đạo-lý luật-giáo của nhà Phật, mà lại giết bỏ được hoặc-nghiệp, trừng biết được trần-lý, thì vãng-sinh phẩm-vị càng cao, mà viên-thành Phật-đạo lại càng chóng lắm. Bởi thế cho nên các vị Bồ-Tát như đức Văn-Thù, đức Phổ-hiền, các bậc Tổ-xu như ông Mã-Minh, ông Long-Thụ, đều thệ-nguyện vãng-sinh cả.

Thí dụ : như thác-sinh vào Hoàng-cung, khi mới lọt lòng ra, mà quyền quý đã hơn cả các quan ; đó là nhờ cái sức của Vua. Kịp đến khi cả lớn lên, có đủ cả học-vấn tài-năng, tức được lên nối ngôi vua để bình trị thiên-hạ. Bấy giờ tất cả các quan, đều phải nghe lời chiếu-du cả. Đó là nhờ có cái sức của Vua và gồm có cả cái sức của mình nữa.

Cái pháp-môn niệm-phật cũng như thế vậy, khi chưa bỏ hết hoặc-nghiệp, toàn nhờ sức Phật để vãng-sinh tây-phương, bèn thoát khỏi vòng sinh-tử ; cũng ví như là khi Thái-tử mới sinh ra, mà quyền quý đã hơn cả các quan. Đến khi đã được vãng-sinh rồi, hoặc-nghiệp bỏ hết, bước lên cõi Phật ; cũng ví như khi Thái-tử đã cả lớn, lên nối ngôi vua để bình trị thiên-hạ vậy.

Lại như đã bỏ hết được hoặc-nghiệp, như các bậc Tổ-xu là ông Mã-Minh, ông Long-Thụ, đã lên ngôi Phật, như các vị

Bồ-Tát là đức Văn-Thù, đức Phổ-Hiền, mà đều thế-nguyên vãng-sinh; cũng ví như Thái-tử khi trước còn trấn-trị ở ngoài chốn biên-bỉ, thì chưa có thể nối ngôi được, nay đã về chốn Đông-cung, thì chẳng bao lâu mà được lên ngôi làm vua vậy.

Vậy nay xin bỏ hết những thói cũ, cứ theo Pháp-môn niệm-Phật này, mà dốc lòng tin-nguyện, chăm chỉ tu-hành, thời cái phiền-não vô-tận (không bao giờ hết), rất bỏ đi dễ lắm, mà cửa Pháp-môn vô-lượng (rộng lớn không có thể lường tính được), tự-nhiên vào được, cũng chẳng khó gì, rồi có thể viên-thành được phật-đạo vô-thượng (không gì cao-thượng hơn), lại độ thoát được các chúng-sinh vô-biên (không có ngần nào mà kể được). Như thế thì há không nên gắng sức ư! há không nên gắng sức ư!.

CHUNG





Mấy lời kính cáo
Nguyên bản Phật học sơ giai này là văn chữ Hán giao ông Lê-Toại
và ông Nguyễn văn Duyệt đã dịch ra chữ quốc ngữ mà đến Tam
giáo tại xã Trương Mai Hà-đông đã xuất bản một lần rồi.

Nay vì có Phật học thư viện chúng tôi mới dựng lên đề chủ
chương việc dịch và in các Kinh sách Phật giáo ra chữ quốc ngữ
để tiện cho mọi người cùng đọc được, cho nên các ông ấy mới xin
cùng bản sách này về bản viện, để bản viện khảo chánh lại và tái bản.

Nay bản viện sẽ ra quyền này cũng có ích cho nền Phật học
cho nên mới đem in ra để kính tặng thập Phương thiện tín.

Vậy nên bản viện có lời cảm ơn hai ông ấy đã vì đạo mà làm
được một việc thiện này.

Vì mục đích của bản viện là nghiên cứu các sách nói về đạo Phật
hoặc bằng chữ Hán hoặc bằng chữ pháp để dịch ra chữ quốc
ngữ rồi đem in ra kính tặng cho nên hệ thập Phương đại đức
cùng thiện tín, có vị nào có sách cũng sách có tiền cũng tiền để
bản viện được giàu tài liệu mà chuyển bá đạo Phật ra thì bản viện
đều xin hoan nghênh và cảm ơn vô cùng, rồi bản viện lại còn ghi
qiy tinh cao danh lên bìa sách để kỷ niệm công đức về muôn đời nữa.

Phật học thư viện đồng nhân kính cáo

Sửa lại các chỗ sai lầm

Trang thứ 65 giòong thứ 8 xin đọc là:

Đỉnh- tử đáp: Trong kinh A gi đã có nói rằng

Từ cõi ta bà này sang tây phương kia cách mười vạn ức đất Phật
có một thế giới gọi là cõi cực- lạc

Certifié conforme au
tirage n'élevant cinq
cents exemplaires.

4-433.
TRUNG-KY LIBRAIRIE
記
ROUTE DE SINGAPOUR

MẤY LỜI KINH CAO CUN : THẬP PHƯƠNG THIỆN TÍN

Tiên hiền có câu rằng. « Tặng người câu nói hay, thơm như hoa lan » lại có câu rằng « Phát của, công đức không bằng phát sách thiện » xem thế đủ biết cái lợi phát sách nó to lớn là nhường nào. Chúng tôi thiết nghĩ những sách khuyên người làm thiện bổn thì không gì bằng kinh sách của Phật. Cho nên các bậc tiên hiền ngày xưa đều đua nhau mà ấn tống kinh sách kể hàng nghìn, hàng vạn, hàng ức, hàng triệu có phải là tin nhằm đâu. Bây giờ chữ Hán ít người biết nữa mà chữ Quốc-ngữ cơ hồ ai ai cũng biết đọc, vì thế nên chúng tôi cùng nhau dựng nên Phật-học-tùng-thư, chuyên dịch kinh sách chữ Hán ra Quốc-ngữ để kinh tống các nơi đó cũng là noi theo các phương của tiên hiền vậy.

Đã vậy, song chúng tôi tài hèn của hiếm, khó sao mà gánh vác cho đạt tới cái mục đích lớn lao ấy được cho nên phải tỏ bày cùng thập phương thiện tín mở lòng bồ đề có tiền giúp tiền có tài giúp tài, cho cái công khuyến thiện này được kết quả mỹ mãn thì công đức mới là bất hủ vậy.

A Gi Đà Phật

Ai cùng tiền in các sách này chúng tôi xin ghi phương danh vào sau quyển kinh để lưu truyền vĩnh viễn.

Phật-Học-Tùng-Thư đồng nhân kinh cáo.

Sách sắp xuất bản

Sự tích đức Phật Như-lai

Kinh Địa-tạng số 2 và số 3

Ai muốn thỉnh sách này, hay hỏi đều gì xin hỏi tại:

Hà-nội chùa Đức-viên.

Hà-dông đền Tam giáo làng Tươg mai.

Hà nam chùa Mai Xá huyện Nam sang

Hải phòng cư Búi thị Dầu phố hàng Cót.

Ông Dương tri Hối. Secrétaire compagnie de commerce et de navigation d'extrême orient

IMP. TRUNG KÝ N° 68 ROUTE SINH - HANOI